

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết thông qua “Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030”

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020,

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ ba xem xét, ban hành Nghị quyết thông qua Đề án “Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030”, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội.
- Luật số Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.
- Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội.
- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội.
- Luật Ngân sách nhà nước 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội về Luật (sửa đổi bổ sung theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-VPQH ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Văn phòng Quốc hội).
- Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội khóa XIV về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em.
- Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em.

- Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các giải pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em.

- Quyết định số 1472/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em.

- Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030.

- Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, mạng lưới và cơ chế phối hợp liên ngành làm công tác dân số và phát triển các cấp.

2. Căn cứ thực tiễn

Thời gian qua, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo các cấp chính quyền, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và vận động các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong toàn xã hội thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và đạt được những kết quả tương đối tốt. Công tác chăm sóc sức khỏe, đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ em được chú trọng. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng giảm dần, năm 2010 là 19,9%, năm 2015 là 14,4% đến năm 2020 là 13,2%. Tỷ lệ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao năm 2010 là 30,3%, năm 2015 là 27,8%, đến năm 2020 giảm xuống còn 25,2%. 100% trẻ em mồ côi, khuyết tật nặng, trẻ bị nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo được trợ cấp thường xuyên và được miễn, giảm học phí. Số xã, phường, thị trấn được công nhận phù hợp với trẻ em tăng qua từng năm. Công tác chăm sóc đời sống văn hóa tinh thần, vui chơi, giải trí cho trẻ em được cải thiện và nâng lên rõ rệt. Các thiết chế văn hóa, vui chơi, giải trí dành cho trẻ em ngày càng được quan tâm, đầu tư. Công tác xã hội hóa về bảo vệ, chăm sóc trẻ em (BVCSTE) được thực hiện hiệu quả, nhất là trợ giúp cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. 25 quyền của trẻ em được quy định tại Luật Trẻ em năm 2016 đều được tỉnh quan tâm triển khai thực hiện, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các em được phát triển.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác BVCSTE của tỉnh vẫn còn những hạn chế, bất cập cần quan tâm giải quyết trong thời gian tới, đó là việc xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện nhằm bảo vệ trẻ em ở nhiều địa phương chưa được quan tâm đúng mức, chưa có các biện pháp hiệu quả dẫn tới tình trạng trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại, tai nạn thương tích, đặc biệt là đuối nước trẻ em vẫn xảy ra với diễn biến phức tạp và nghiêm trọng; hệ thống cung cấp các dịch vụ bảo vệ trẻ em còn nhiều hạn chế.

Sau 10 năm thực hiện, đến nay một số chỉ tiêu, mục tiêu của Nghị quyết 16/2010/NQ-HĐND tỉnh ngày 14/12/2010 của HĐND tỉnh thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến năm 2020 (gọi tắt là Nghị quyết 16) đã không còn phù hợp; một số căn cứ pháp lý của Nghị quyết 16 đối với công tác trẻ em hết hiệu lực. Chính sách cho đội ngũ cán bộ làm công tác BVCSTE tại cấp xã và cộng tác viên BVCSTE tại thôn, ấp, khu phố còn nhiều bất cập.

Ngoài ra, để thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành trung ương giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 về lĩnh vực BVCSTE trên địa bàn tỉnh cần có tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và huy động, vận động sự tham gia của các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong toàn xã hội, gia đình và mỗi công dân trong việc đảm bảo thực hiện quyền trẻ em.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về tăng cường thực hiện công tác BVCSTE giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 là thực sự cần thiết để tiếp tục triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả các chính sách, pháp luật về BVCSTE. Đồng thời tăng cường trách nhiệm hành động của các cấp chính quyền, các ngành, tập trung đầu tư nguồn lực để đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 và các chương trình bảo vệ, chăm sóc, giáo dục và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em giai đoạn 2021- 2025. Thực hiện ngày càng tốt hơn các quyền của trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt hoặc có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn tỉnh được phát triển toàn diện, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội theo quan điểm chỉ đạo trong Nghị quyết số 11-NQ/ĐH Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2021-2025 và Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X về “Tầm nhìn chiến lược phát triển tỉnh Bình Phước đến năm 2030, tầm nhìn 2050”.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm quy định cụ thể các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp một cách đồng bộ để tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong công tác BVCSTE, trong đó đề cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể và toàn xã hội trong việc bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em theo quy định của pháp luật hiện hành trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Những nội dung của Nghị quyết phải đảm bảo cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác BVCSTE; bảo đảm chính sách, pháp luật về BVCSTE được quán triệt nghiêm

túc và triển khai thực hiện đồng bộ để thực hiện ngày càng tốt hơn quyền của trẻ em trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo sự kế thừa, phát huy những kết quả đạt được trong công tác triển khai, thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em giai đoạn 2016 - 2020; tập trung giải quyết những vấn đề có tác động lớn đến sự phát triển toàn diện của trẻ em như tình trạng bạo lực, xâm hại trẻ em, trẻ em bị tai nạn thương tích và tử vong do tai nạn thương tích, lao động trẻ em trái pháp luật, trong đó chú trọng các hoạt động để ngăn ngừa trẻ em bị xâm hại, bị bạo lực và có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

- Đảm bảo các mục tiêu về thực hiện quyền trẻ em được đưa vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của các cấp, các ngành và địa phương; ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu về công tác BVCSTE.

- Ngân sách nhà nước bảo đảm đầu tư các nguồn lực đối với công tác BVCSTE phù hợp với tình hình, khả năng và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

- Ngày 12 tháng 10 năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 3452/UBND-TH về việc khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp cuối năm 2021,

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng dự thảo Nghị quyết, gửi các đơn vị liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố lấy ý kiến đóng góp vào toàn bộ hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh phê duyệt Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030 (Công văn số 1997/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 15 tháng 10 năm 2021); đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh (Công văn số 1998/SLĐTBXH-QLLVXH).

- Đến ngày 27/10/2021, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã nhận được văn bản góp ý của 21 đơn vị, trong đó có 02 ý kiến đề nghị điều chỉnh, 19 ý kiến thống nhất, không ý kiến đóng góp trên công thông tin điện tử. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh (Báo cáo số 306/BC-SLĐTBXH) và gửi Sở Tư pháp thẩm định toàn bộ hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh (Công văn số 2095/SLĐTBXH-QLLVXH).

- Sở Tư pháp đã thẩm định dự thảo Nghị quyết Báo cáo số 272/BC-STP ngày 02/11/2021, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp thu, chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

- Ngày 04/11/2021, UBND tỉnh đã họp, thông qua dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh phê duyệt Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em

trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030

IV. BỐ CỤC

Bố cục của Nghị quyết có 02 phần

- Phần 1: Căn cứ pháp lý để xây dựng Nghị quyết.

- Phần 2: Các quy định, bao gồm 02 Điều:

+ Điều 1: Thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

+ Điều 2. Tổ chức thực hiện.

V. NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp và chính sách đảm bảo thực hiện quyền trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, gia đình, công dân Việt Nam.

- Trẻ em, ưu tiên trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em dân tộc thiểu số.

- Cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại thôn, ấp, khu phố.

- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em; xây dựng môi trường thân thiện, an toàn, lành mạnh và bình đẳng để tạo điều kiện cho trẻ em phát triển toàn diện; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được trợ giúp kịp thời, phòng ngừa, phát hiện sớm và bảo vệ trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, bạo lực, ngược đãi. Tạo cơ hội cho trẻ em được tham gia vào các hoạt động xã hội, được bày tỏ ý kiến của mình về những vấn đề có liên quan đến trẻ em.

4. Các chỉ tiêu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

a) Mục tiêu 1: Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em.

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đạt 76,9% vào năm 2025 và 84,6% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện đạt 80% vào năm 2025 và 85% vào năm 2030

- Chỉ tiêu 3: Giảm tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 9,5 vào năm 2025 và dưới 9% vào năm 2030; giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống xuống 12,5 vào năm 2025 và 10 vào năm 2030; giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 18,8

vào năm 2025 và dưới 15 vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 4: Phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi xuống dưới 9% vào năm 2025 và dưới 6% vào năm 2030; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao theo tuổi xuống 20% vào năm 2025 và dưới 19% vào năm 2030; giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể béo phì xuống dưới 5% đối với nông thôn và dưới 10% đối với thành thị vào năm 2025 và năm 2030.

- Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin đạt 95% vào năm 2025 và 98% vào năm 2030; 100% trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 6: Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con là 2% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 7: 100% cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh.

b) Mục tiêu 2: Về bảo vệ trẻ em

- Chỉ tiêu 8: Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em xuống dưới 4,5% vào năm 2025 và 3,5% vào năm 2030; trên 98% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp từ năm 2025.

- Chỉ tiêu 9: Giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em xuống dưới 4% vào năm 2025 và xuống dưới 3,5% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 10: Phần đầu giảm tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi xuống 4,5% vào năm 2025 và xuống dưới 4% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 11: Giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích xuống 550/100.000 trẻ em vào năm 2025 và 500/100.000 vào năm 2030; giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích xuống còn 13/100.000 trẻ em vào năm 2025 và xuống còn 12/100.000 vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 12: Phần đầu 100% trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.

- Chỉ tiêu 13: Từng bước xóa bỏ tình trạng tảo hôn, duy trì mức giảm số cuộc tảo hôn từ 2% đến 3% hằng năm giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2030.

- Chỉ tiêu 14: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh đạt 99% vào năm 2025, phần đầu 100% vào năm 2030.

c) Mục tiêu 3: Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em

- Chỉ tiêu 15: Phần đầu tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội đạt 99,1% vào năm 2025 và 99,3% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 16: Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 99,1% vào năm 2025 và 99,3% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 17: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,5% vào năm 2025 và đạt 99,8% vào năm 2030; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu

học dưới 0,12% vào năm 2025 và dưới 0,1% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 18: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt 98% vào năm 2025 và đạt 98,5% vào năm 2030; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở dưới 0,14% vào năm 2025 và dưới 0,05% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 19: Phần đầu 80% trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em vào năm 2025.

- Chỉ tiêu 20: Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật đạt 50% vào năm 2025 và 55% vào năm 2030; tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp đạt 80% vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 21: Phần đầu tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em đạt 40% vào năm 2025 và 45% vào năm 2030.

d) Mục tiêu 4: Về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em

- Chỉ tiêu 22: Phần đầu 30% trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 23: Phần đầu 85% trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 24: Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em đạt 30% vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.

5. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

a) Các nhiệm vụ chủ yếu

- Tham mưu ban hành các văn bản và triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về công tác BVCSTE.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về BVCSTE trong đó ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện công tác bảo vệ trẻ em. Cụ thể:

+ Kiện toàn và nâng cao chất lượng bộ máy làm công tác trẻ em các cấp, đảm bảo năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; củng cố và duy trì mạng lưới cộng tác viên làm công tác BVCSTE tại thôn, ấp, khu phố.

+ UBND các cấp quan tâm, ưu tiên bố trí nguồn ngân sách để đảm bảo thực hiện hiệu quả các mục tiêu về trẻ em và các nhiệm vụ trọng tâm đề ra trong các chương trình, đề án, kế hoạch về công tác trẻ em. Tạo điều kiện hỗ trợ Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp đẩy mạnh hoạt động huy động, vận động, xây dựng nguồn quỹ để thực hiện các hoạt động hỗ trợ trẻ em, nhất là các trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn.

- Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, văn hóa,



vui chơi, giải trí của trẻ em, đảm bảo các dịch vụ kinh doanh đúng quy định của pháp luật và văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Tích cực huy động, vận động sự tham gia hỗ trợ, đóng góp nguồn lực của các tổ chức, doanh nghiệp, gia đình, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện tốt các hoạt động bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Vận động nguồn lực và sự tham gia của xã hội. Tạo cơ chế khuyến khích các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, gia đình, cộng đồng, người dân và trẻ em tham gia bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; cung cấp dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, vui chơi, giải trí, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông cho trẻ em.

- Tăng cường quản lý, điều phối của các cơ quan nhà nước đối với việc huy động, sử dụng nguồn lực xã hội cho trẻ em để ưu tiên hỗ trợ, giúp đỡ trẻ em tại các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới.

- Triển khai thực hiện và ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ cho nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Phát triển hệ thống dịch vụ đáp ứng thực hiện quyền trẻ em có sự lồng ghép và phối hợp giữa các dịch vụ y tế, giáo dục, tư pháp và các dịch vụ an sinh xã hội; ưu tiên phát triển hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em.

- Tăng cường truyền thông, giáo dục về kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em, vận động xã hội thực hiện các mục tiêu về trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra; xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách, chương trình, mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em.

b) Các giải pháp cơ bản thực hiện Đề án

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền; nâng cao trách nhiệm của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội trong việc thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu của Đề án. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện, biểu dương khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân làm tốt công tác này, đồng thời xử lý nghiêm những hành vi vi phạm quyền trẻ em.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông làm cho mọi người, mọi gia đình, cộng đồng và toàn xã hội nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Kết hợp tốt ba môi trường giáo dục: nhà trường, gia đình và xã hội. Chú trọng hình thức tư vấn, tham vấn, công tác xã hội và vận động trực tiếp gia đình, cộng đồng dân cư về kỹ năng bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Tập trung hoạt động truyền thông, giáo dục vào những vùng dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và những nhóm đối tượng còn hạn chế trong thực hiện trách nhiệm của mình đối với trẻ em.

- Tăng cường hơn nữa công tác phối hợp liên ngành giữa cơ quan nhà

nước các cấp, các ngành với các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị, doanh nghiệp trong thực hiện quyền trẻ em. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội tại địa phương. Phối hợp lồng ghép có hiệu quả các mục tiêu về BVCSTE vào các chương trình mục tiêu kinh tế - xã hội. Xây dựng hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản cho gia đình và trẻ em.

- Tổ chức tốt công tác vận động xây dựng Quỹ Bảo trợ trẻ em, ngoài ngân sách Nhà nước hỗ trợ có mục đích theo từng thời kỳ, cần đa dạng hoá các hình thức vận động, đóng góp tự nguyện của mọi người, mọi gia đình, các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp, các lực lượng xã hội, các tổ chức quốc tế và các hình thức vận động khác.

- Bố trí kinh phí để thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động vì trẻ em. Căn cứ vào điều kiện thực tiễn của địa phương, UBND các cấp quyết định kinh phí đảm bảo cho Chương trình hành động vì trẻ em và các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em. Đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, thực hiện tốt các chương trình quốc gia có liên quan đến trẻ em.

- Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ; tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp, nhất là cấp cơ sở.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em và giáo dục trẻ em. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo thực hiện các quyền của trẻ em

6. Hỗ trợ cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở các thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh.

a) Đối tượng áp dụng: Sử dụng mạng lưới Cộng tác viên dân số kiểm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại các thôn, ấp, khu phố.

b) Mức hỗ trợ: được hỗ trợ bằng 0,125 mức lương cơ sở/người/tháng ngoài mức phụ cấp cộng tác viên dân số đã được hưởng.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí trong dự toán chi ngân sách Nhà nước hàng năm của các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành; nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Đề án này, các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương chủ động lập dự toán chi hàng năm, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN: Không

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Đính kèm:

1. Dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

2. Dự thảo Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

3. Báo cáo đánh giá tác động của Nghị quyết tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030.

4. Báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị.

5. Báo cáo số 272/BC-STP ngày 02/11/2021 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030.

6. Báo cáo giải trình, tiếp thu, chỉnh sửa nội dung đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 theo thẩm định của Sở Tư pháp.

7. Báo cáo số 276/BC-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh tổng kết thực hiện Nghị quyết 16/2010/NQ-HĐND của HĐND tỉnh thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến năm 2020.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT HĐND tỉnh
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, TP, LĐTBXH;
- LĐVP; các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-HĐND).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2021/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 19 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em;

Căn cứ Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em;

Thực hiện Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-VHXXH ngày / /2021 của Ban văn hoá - xã hội Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, với những nội dung sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp và chính sách đảm bảo thực hiện quyền trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, gia đình, công dân Việt Nam.

b) Trẻ em, ưu tiên trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em dân tộc thiểu số.

c) Cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại thôn, ấp, khu phố.

d) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em; xây dựng môi trường thân thiện, an toàn, lành mạnh và bình đẳng để tạo điều kiện cho trẻ em phát triển toàn diện; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được trợ giúp kịp thời, phòng ngừa, phát hiện sớm và bảo vệ trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, bạo lực, ngược đãi. Tạo cơ hội cho trẻ em được tham gia vào các hoạt động xã hội, được bày tỏ ý kiến của mình về những vấn đề có liên quan đến trẻ em.

4. Các chỉ tiêu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

a) Mục tiêu 1: Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em.

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đạt 76,9% vào năm 2025 và 84,6% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện đạt 80% vào năm 2025 và 85% vào năm 2030

- Chỉ tiêu 3: Giảm tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 9,5 vào năm 2025 và dưới 9 vào năm 2030; giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống xuống 12,5 vào năm 2025 và 10 vào năm 2030; giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 18,8 vào năm 2025 và dưới 15 vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 4: Phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi xuống dưới 9% vào năm 2025 và dưới 6% vào năm 2030; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao theo tuổi xuống 20% vào năm 2025 và dưới 19% vào năm 2030; giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể béo phì xuống dưới 5% đối với nông thôn và dưới 10% đối với thành thị vào năm 2025 và năm 2030.

- Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin đạt 95% vào năm 2025 và 98% vào năm 2030; 100% trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 6: Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con là 2% vào năm 2030.
- Chỉ tiêu 7: 100% cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh.

b) Mục tiêu 2: Về bảo vệ trẻ em

- Chỉ tiêu 8: Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em xuống dưới 4,5% vào năm 2025 và 3,5% vào năm 2030; trên 98% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp từ năm 2025.
 - Chỉ tiêu 9: Giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em xuống dưới 4% vào năm 2025 và xuống dưới 3,5% vào năm 2030.
 - Chỉ tiêu 10: Phần đầu giảm tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi xuống 4,5% vào năm 2025 và xuống dưới 4% vào năm 2030.
 - Chỉ tiêu 11: Giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích xuống 550/100.000 trẻ em vào năm 2025 và 500/100.000 vào năm 2030; giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích xuống còn 13/100.000 trẻ em vào năm 2025 và xuống còn 12/100.000 vào năm 2030.
 - Chỉ tiêu 12: Phần đầu 100% trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.
 - Chỉ tiêu 13: Từng bước xóa bỏ tình trạng tảo hôn, duy trì mức giảm số cuộc tảo hôn từ 2% đến 3% hằng năm giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2030.
 - Chỉ tiêu 14: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh đạt 99% vào năm 2025, phần đầu 100% vào năm 2030.
- c) Mục tiêu 3: Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em
- Chỉ tiêu 15: Phần đầu tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội đạt 99,1% vào năm 2025 và 99,3% vào năm 2030.
 - Chỉ tiêu 16: Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 99,1% vào năm 2025 và 99,3% vào năm 2030.
 - Chỉ tiêu 17: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,5% vào năm 2025 và đạt 99,8% vào năm 2030; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học dưới 0,12% vào năm 2025 và dưới 0,1% vào năm 2030.
 - Chỉ tiêu 18: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt 98% vào năm 2025 và đạt 98,5% vào năm 2030; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở dưới 0,14% vào năm 2025 và dưới 0,05% vào năm 2030.
 - Chỉ tiêu 19: Phần đầu 80% trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em vào năm 2025.
 - Chỉ tiêu 20: Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật đạt 50% vào năm 2025 và 55% vào năm 2030; tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp đạt 80% vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 21: Phần đầu tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em đạt 40% vào năm 2025 và 45% vào năm 2030.

d) Mục tiêu 4: Về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em

- Chỉ tiêu 22: Phần đầu 30% trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 23: Phần đầu 85% trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 24: Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em đạt 30% vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.

5. Các giải pháp cơ bản thực hiện Đề án

a) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền; nâng cao trách nhiệm của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội trong việc thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu của Đề án. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện, biểu dương khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân làm tốt công tác này, đồng thời xử lý nghiêm những hành vi vi phạm quyền trẻ em.

b) Đẩy mạnh công tác truyền thông làm cho mọi người, mọi gia đình, cộng đồng và toàn xã hội nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Kết hợp tốt ba môi trường giáo dục: nhà trường, gia đình và xã hội. Chú trọng hình thức tư vấn, tham vấn, công tác xã hội và vận động trực tiếp gia đình, cộng đồng dân cư về kỹ năng bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Tập trung hoạt động truyền thông, giáo dục vào những vùng dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và những nhóm đối tượng còn hạn chế trong thực hiện trách nhiệm của mình đối với trẻ em.

c) Tăng cường hơn nữa công tác phối hợp liên ngành giữa cơ quan nhà nước các cấp, các ngành với các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị, doanh nghiệp trong thực hiện quyền trẻ em. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội tại địa phương. Phối hợp lồng ghép có hiệu quả các mục tiêu về BVCSSTE vào các chương trình mục tiêu kinh tế - xã hội. Xây dựng hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản cho gia đình và trẻ em.

d) Tổ chức tốt công tác vận động xây dựng Quỹ Bảo trợ trẻ em, ngoài ngân sách Nhà nước hỗ trợ có mục đích theo từng thời kỳ, cần đa dạng hoá các hình thức vận động, đóng góp tự nguyện của mọi người, mọi gia đình, các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp, các lực lượng xã hội, các tổ chức quốc tế và các hình thức vận động khác.

e) Bố trí kinh phí để thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động vì trẻ em. Căn cứ vào điều kiện thực tiễn của địa phương, UBND các cấp quyết định kinh phí đảm bảo cho Chương trình hành động vì trẻ em và các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em. Đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, thực hiện tốt các chương trình quốc gia có liên quan đến trẻ em.

h) Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ; tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp, nhất là cấp cơ sở.

k) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em và giáo dục trẻ em. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo thực hiện các quyền của trẻ em

6. Hỗ trợ cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở các thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh.

a) Đối tượng áp dụng: Sử dụng mạng lưới Cộng tác viên dân số kiêm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại các thôn, ấp, khu phố.

b) Mức hỗ trợ: được hỗ trợ bằng 0,125 mức lương cơ sở/người/tháng ngoài mức phụ cấp cộng tác viên dân số đã được hưởng.

7. Kinh phí thực hiện Đề án

Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp quản lý; lồng ghép các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng ... năm 2021, có hiệu lực từ ngày tháng năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 16/2010/NQ - HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khoá VII, kỳ họp thứ mười chín từ ngày 07 đến ngày 08 tháng 12 năm 2010 về việc thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

**Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước
giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030**

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Lý do xây dựng Đề án

Trong những năm qua, công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em luôn được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội quan tâm, được coi là một trong những chính sách ưu tiên hàng đầu để bảo đảm an sinh xã hội, vì mục tiêu phát triển ổn định và lâu dài của đất nước. Để tăng cường hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước, ngày 14/12/2010, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 16/NQ-HĐND về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến năm 2020. Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 16/2010/NQ-HĐND ngày 14/12/2010 của HĐND tỉnh (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 16), được sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và sự phối hợp của các cấp, các ngành, địa phương nên công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh đạt được những kết quả quan trọng, các chương trình, đề án, kế hoạch hành động vì trẻ em trên địa bàn tỉnh được các cấp chính quyền, các ngành triển khai đồng bộ, đời sống tinh thần và vật chất của trẻ em có những chuyển biến tích cực.

Về chăm sóc sức khỏe, đảm bảo dinh dưỡng cho trẻ em được chú trọng. 100% trẻ em mồ côi, khuyết tật nặng, trẻ bị nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ nghèo được trợ cấp thường xuyên và được miễn, giảm học phí. Số xã, phường, thị trấn được công nhận phù hợp với trẻ em tăng qua từng năm. Công tác chăm sóc đời sống văn hóa tinh thần, vui chơi, giải trí cho trẻ em được cải thiện và nâng lên rõ rệt. Các thiết chế văn hóa, vui chơi, giải trí dành cho trẻ em ngày càng được quan tâm, đầu tư. Công tác xã hội hóa về bảo vệ, chăm sóc trẻ em (BVCSTE) được thực hiện hiệu quả, nhất là trợ giúp cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. 25 quyền của trẻ em được quy định tại Luật Trẻ em năm 2016 đều được tỉnh quan tâm triển khai thực hiện, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các em được phát triển.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác BVCSTE của tỉnh vẫn còn những hạn chế, bất cập cần quan tâm giải quyết trong thời gian tới, đó là: Việc xây dựng môi

trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện nhằm bảo vệ trẻ em ở nhiều địa phương chưa được quan tâm đúng mức, chưa có các biện pháp hiệu quả dẫn tới tình trạng trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại, tai nạn thương tích, đặc biệt là đuối nước trẻ em vẫn xảy ra với diễn biến phức tạp và nghiêm trọng. Hệ thống cung cấp các dịch vụ bảo vệ trẻ em còn nhiều hạn chế.

Sau 10 năm thực hiện, đến nay một số chỉ tiêu, mục tiêu của Nghị quyết số 16 đã không còn phù hợp, một số căn cứ pháp lý của Nghị quyết số 16 đối với công tác trẻ em hết hiệu lực. Chính sách cho đội ngũ cán bộ làm công tác BVCSTE tại cấp xã và cộng tác viên BVCSTE tại thôn, ấp, khu phố còn nhiều bất cập.

Bên cạnh đó để thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, cần phải tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự tham gia vào cuộc của cả hệ thống chính trị trong công tác bảo vệ, chăm sóc và thực hiện quyền trẻ em.

Hiện nay toàn tỉnh có 303.666 em dưới 16 tuổi, trong đó trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là 3.541 trẻ em (chiếm 1,16%) và trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt hơn 25.000 (chiếm 8,17%) trên tổng số trẻ em toàn tỉnh. Đây là khó khăn, thách thức cho công tác BVCSTE của tỉnh trong thời gian tới.

Vì vậy, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về tăng cường thực hiện công tác BVCSTE giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 là thực sự cần thiết để tiếp tục triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả các chính sách, pháp luật về BVCSTE. Đồng thời tăng cường trách nhiệm hành động của các cấp chính quyền, các ngành và tập trung đầu tư nguồn lực để đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 và các chương trình bảo vệ, chăm sóc, giáo dục và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em giai đoạn 2021- 2025, thực hiện ngày càng tốt hơn các quyền của trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt hoặc có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn tỉnh được phát triển toàn diện, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội theo quan điểm chỉ đạo trong Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2021-2025 và Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa X về “Tầm nhìn chiến lược phát triển tỉnh Bình Phước đến năm 2030, tầm nhìn 2050”.

II. Cơ sở để xây dựng Đề án

1. Các chủ trương của Đảng

- Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 05 tháng 11 năm 2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới với quan điểm: chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em là vấn đề có

tính chiến lược, lâu dài, góp phần quan trọng vào việc chuẩn bị và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Đầu tư cho trẻ em là đầu tư cho tương lai của đất nước.

- Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới, với quan điểm: xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

2. Các văn bản pháp luật của Nhà nước

- Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016.

- Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019.

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 *(được sửa đổi bổ sung theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội)*.

- Nghị quyết số 121/2020/NQ/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em.

- Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em.

- Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.

- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

3. Các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em do Thủ tướng Chính phủ ban hành

- Quyết định số 1437/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2018 về phê duyệt Đề án chăm sóc vì sự phát triển toàn diện trẻ em trong những năm đầu đời tại gia đình và cộng đồng giai đoạn 2018-2025.

- Quyết định số 1438/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2018 về phê duyệt Đề án hỗ trợ trẻ em khuyết tật tiếp cận các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục tại cộng đồng giai đoạn 2018-2025.

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2019 về ban hành Quy định tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em.

- Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2019 về phê duyệt Đề án “Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản giai đoạn 2018 - 2025”

- Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2019 về phê duyệt Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2019-2025.

- Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2019 về phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em giai đoạn 2020-2025.

- Quyết định số 1472/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2020 về ban hành kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em.

- Quyết định số 1929/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2020 phê duyệt Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021 - 2030.

- Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2021 về phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030.

- Quyết định số 782/QĐ-TTg ngày 27 tháng 5 năm 2021 về phê duyệt Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trái với quy định của pháp luật giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2021 về phê duyệt Chương trình bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 1248/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2021 về phê duyệt Chương trình phòng, chống tai nạn, tương tích trẻ em giai đoạn 2021-2030.

Phần II

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO VỆ VÀ CHĂM SÓC TRẺ EM

I. Kết quả đạt được

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 16 của HĐND tỉnh, công tác BVCSTE ở 03 cấp (tỉnh, huyện, xã) đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Các chỉ tiêu sức khỏe của trẻ em như tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi đến năm 2020 là 13,1‰, tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi là 19,6‰. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng ngày càng được cải thiện và giảm dần. Số xã, phường, thị trấn có điểm vui chơi cho trẻ em giai đoạn 2011 - 2015 đạt 62,16% và đến năm 2020 đạt 73,87% (vượt 28,87% so với chỉ tiêu của Nghị quyết). Tỷ lệ xã, phường, thị trấn được công nhận “*xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em*” tăng theo từng năm, năm 2011 đạt 61,26%, đến năm 2019 đạt 78,38%.

Hiện toàn tỉnh có 277 trường phổ thông, trong đó có 134 trường tiểu học, 109 trường THCS và 34 trường THPT. 11/11 huyện, thị xã, thành phố và 111/111 xã,

phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 111/111 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; duy trì 111/111 xã, phường, thị trấn đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở; 15/111 xã, phường, thị trấn đạt phổ cập THPT. Đến cuối năm 2020 có 144/388 trường công lập đạt chuẩn quốc gia, chiếm 37,1% so với tổng số trường, vượt chỉ tiêu do HĐND tỉnh giao là 33,3%

10 năm qua đã tổ chức các đợt khám sàng lọc cho hơn 18.000 lượt trẻ em, phẫu thuật cho 315 trẻ em bị bệnh tim mang lại sự sống cho các em, hiện nay toàn bộ trẻ em trên 6 tuổi mắc bệnh tim đều được tỉnh giúp đỡ phẫu thuật miễn phí, hỗ trợ phẫu thuật các bệnh về mắt, phẫu thuật vận động với số tiền trên 12 tỷ đồng, trao hơn 1400 suất học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học học giỏi với tổng số tiền hơn 01 tỷ đồng, tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh nhân các ngày lễ, tết với kinh phí khoảng trên 45 tỷ đồng.

Có được những kết quả trên là nhờ vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, sự phối hợp của các ngành, đoàn thể, sự chăm lo cho trẻ em của mỗi gia đình, cộng đồng, sự phối hợp và tổ chức thực hiện của các ban, ngành, đoàn thể thì sự quan tâm đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức nhân đạo, từ thiện, các tổ chức xã hội trong và ngoài tỉnh đối với sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em với nhiều hình thức, biện pháp thiết thực trên cơ sở tâm huyết và cộng đồng trách nhiệm cao đã mang lại nhiều kết quả tích cực, nhất là trong việc chăm lo cho trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn giúp các em hòa nhập với cộng đồng, vươn lên trong cuộc sống.

II. Hạn chế, tồn tại

- Việc quản lý, nắm thông tin, tình hình của trẻ em chưa được bao quát, kịp thời, nhất là trong việc can thiệp, trợ giúp các em bị bạo lực, bị xâm hại. Công tác phòng ngừa trẻ em khỏi các nguy cơ bị bạo lực, xâm hại chưa thực sự hiệu quả.

- Chưa có cơ chế phối hợp hành động giữa các cơ quan y tế, giáo dục, tư pháp với cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em để kịp thời phát hiện và xử lý các vụ bạo lực, xâm hại trẻ em hoặc hỗ trợ, bảo vệ trẻ em là nạn nhân, nhân chứng của các hành vi bạo lực, xâm hại trước, trong và sau tố tụng.

- Giai đoạn 2011-2015, tỉnh đã ban hành một số chính sách đặc thù cho nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt như Đề án can thiệp y tế cho trẻ em khuyết tật, nhưng từ năm 2016 đến nay, chưa có chính sách đặc thù để hỗ trợ cho nhóm đối tượng này.

- Việc trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt chỉ mới dựa vào nguồn vận động và chủ yếu tập trung vào hoạt động giúp đỡ vật chất. Các dịch vụ trợ giúp trẻ em chưa đồng bộ và thiếu biện pháp ngăn chặn nguy cơ dẫn đến tình trạng trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt như bị xâm hại, bị lạm dụng, bị bỏ rơi.

- Số lượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại địa phương vẫn còn cao và có chiều

hướng gia tăng qua từng năm (năm 2012 là 2.505 em, năm 2015 là 2.814, năm 2020 3.541 trẻ em); số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt khoảng 25.000 trẻ em (chủ yếu là trẻ em sống trong hộ gia đình nghèo, cận nghèo).

- Tình trạng trẻ em bị tai nạn thương tích, đuối nước, xâm hại, bạo lực, nhất là xâm hại tình dục có chiều hướng tăng và diễn biến hết sức phức tạp. Số trẻ em lao động sớm, lao động trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm vẫn còn nhưng chưa được thống kê đầy đủ.

- Công tác quản lý số trẻ em di cư theo gia đình, trẻ em có nguy cơ cao bị bạo lực, xâm hại chưa được thực hiện tốt. Việc thực hiện một số quyền trẻ em còn gặp khó khăn như quyền tiếp cận thông tin và tham gia hoạt động xã hội, quyền được bày tỏ ý kiến và hội họp, quyền được bảo vệ không bị bóc lột sức lao động theo quy định của pháp luật còn khó thực hiện trên thực tế.

III. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại

1. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác tham mưu của cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em chưa thực sự chủ động và kịp thời; công tác tổ chức, triển khai, phối hợp thực hiện thiếu chủ động, chưa linh hoạt với tình hình thực tế.

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền chưa thực sự quan tâm về công tác BVCSTE, trong công tác chỉ đạo, điều hành, vẫn còn những đơn vị chưa lồng ghép các chỉ tiêu về BVCSTE vào chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Do đó, các chương trình, đề án, kế hoạch của các địa phương rất ít được quan tâm và bố trí nguồn lực để thực hiện.

- Sự phối hợp giữa một số cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội của địa phương trong công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em chưa chặt chẽ, cụ thể, thường xuyên nên hiệu quả chưa cao.

- Việc bố trí kinh phí cho công tác BVCSTE chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ thực tế. Tại cấp huyện, kinh phí chỉ bố trí chung trong nguồn kinh phí đảm bảo xã hội, hầu như không bố trí kinh phí riêng cho các chương trình BVCSTE nên một số chương trình, kế hoạch hành động vì trẻ em theo hướng dẫn của cấp trên nhưng không thể triển khai thực hiện tất cả các hoạt động vì thiếu kinh phí.

- Việc bố trí cán bộ ở cơ sở kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực công tác, trong đó có lĩnh vực BVCSTE nên khó có khả năng hoàn thành hết các nhiệm vụ. Trong khi phụ cấp thấp, địa bàn quản lý rộng nên không khuyến khích họ tích cực, tâm huyết với công việc.

- Một bộ phận phụ huynh, người chăm sóc trẻ em chưa nhận thức đầy đủ trách

nhiệm bảo vệ con em, thiếu kiến thức, kỹ năng về BVCSTE. Nhiều gia đình xao nhãng việc bảo vệ trẻ em, không kịp thời hoặc không tố cáo, tố giác hành vi xâm hại trẻ em.

2. Nguyên nhân khách quan

- Do điều kiện về kinh tế, xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số (41 dân tộc) chiếm khoảng 20,14% dân số toàn tỉnh. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao, điều kiện sống còn nhiều khó khăn. Nhận thức của một bộ phận người dân, đặc biệt trong đồng bào dân tộc thiểu số về các vấn đề chăm sóc sức khỏe, giáo dục, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em chưa cao.

- Do yêu cầu về sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ phụ trách công tác BVCSTE ở cơ sở phải kiêm nhiệm nhiều việc, trình độ chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu, thường xuyên biến động, thiếu ổn định nên việc triển khai thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả chưa cao.

Phần III QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

I. Quan điểm xây dựng Đề án

- Những nội dung của Nghị quyết phải đảm bảo cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác BVCSTE; bảo đảm chính sách, pháp luật về BVCSTE được quán triệt nghiêm túc và triển khai thực hiện đồng bộ để thực hiện ngày càng tốt hơn quyền của trẻ em trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh nhằm quy định cụ thể các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp một cách đồng bộ để tăng cường hiệu quả công tác BVCSTE, trong đó đề cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể và toàn xã hội trong việc bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em theo quy định của pháp luật hiện hành trên địa bàn tỉnh.

- Đảm bảo sự kế thừa, phát huy những kết quả đạt được trong công tác triển khai, thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em giai đoạn 2016 - 2020; tập trung giải quyết những vấn đề có tác động lớn đến sự phát triển toàn diện của trẻ em như tình trạng bạo lực, xâm hại trẻ em, trẻ em bị tai nạn thương tích và tử vong do tai nạn thương tích, lao động trẻ em trái pháp luật, trong đó chú trọng các hoạt động để ngăn ngừa trẻ em bị xâm hại, bị bạo lực và có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

- Đảm bảo các mục tiêu về thực hiện quyền trẻ em được đưa vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của các cấp, các ngành và địa phương; ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu về công tác BVCSTE.

- Ngân sách nhà nước bảo đảm đầu tư các nguồn lực đối với công tác BVCSTE phù hợp với tình hình, khả năng và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em; xây dựng môi trường thân thiện, an toàn, lành mạnh và bình đẳng để tạo điều kiện cho trẻ em phát triển toàn diện; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được trợ giúp kịp thời, phòng ngừa, phát hiện sớm và bảo vệ trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, bạo lực, ngược đãi. Tạo cơ hội cho trẻ em được tham gia vào các hoạt động xã hội, được bày tỏ ý kiến của mình về những vấn đề có liên quan đến trẻ em.

2. Các chỉ tiêu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

a) Mục tiêu 1: Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em.

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đạt 76,9% vào năm 2025 và 84,6% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện đạt 80% vào năm 2025 và 85% vào năm 2030

- Chỉ tiêu 3: Giảm tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 9,5 vào năm 2025 và dưới 9 vào năm 2030; giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống xuống 12,5 vào năm 2025 và 10 vào năm 2030; giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 18,8 vào năm 2025 và dưới 15 vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 4: Phân đầu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi xuống dưới 9% vào năm 2025 và dưới 6% vào năm 2030; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao theo tuổi xuống 20% vào năm 2025 và dưới 19% vào năm 2030; giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể béo phì xuống dưới 5% đối với nông thôn và dưới 10% đối với thành thị vào năm 2025 và năm 2030.

- Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin đạt 95% vào năm 2025 và 98% vào năm 2030; 100% trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 6: Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con là 2% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 7: 100% cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh.

b) Mục tiêu 2: Về bảo vệ trẻ em

- Chỉ tiêu 8: Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em xuống dưới 4,5% vào năm 2025 và 3,5% vào năm 2030; trên 98% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp từ năm 2025.

- Chỉ tiêu 9: Giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em xuống dưới 4% vào năm 2025 và xuống dưới 3,5% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 10: Phần đầu giảm tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi xuống 4,5% vào năm 2025 và xuống dưới 4% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 11: Giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích xuống 550/100.000 trẻ em vào năm 2025 và 500/100.000 vào năm 2030; giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích xuống còn 13/100.000 trẻ em vào năm 2025 và xuống còn 12/100.000 vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 12: Phần đầu 100% trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.

- Chỉ tiêu 13: Từng bước xóa bỏ tình trạng tảo hôn, duy trì mức giảm số cuộc tảo hôn từ 2% đến 3% hằng năm giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2030.

- Chỉ tiêu 14: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh đạt 99% vào năm 2025, phần đầu 100% vào năm 2030.

c) Mục tiêu 3: Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em

- Chỉ tiêu 15: Phần đầu tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội đạt 99,1% vào năm 2025 và 99,3% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 16: Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 99,1% vào năm 2025 và 99,3% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 17: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,5% vào năm 2025 và đạt 99,8% vào năm 2030; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học dưới 0,12% vào năm 2025 và dưới 0,1% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 18: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt 98% vào năm 2025 và đạt 98,5% vào năm 2030; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở dưới 0,14% vào năm 2025 và dưới 0,05% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 19: Phần đầu 80% trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em vào năm 2025.

- Chỉ tiêu 20: Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật đạt 50% vào năm 2025 và 55% vào năm 2030; tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp đạt 80% vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 21: Phần đầu tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi

dành cho trẻ em đạt 40% vào năm 2025 và 45% vào năm 2030.

d) Mục tiêu 4: Về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em

- Chỉ tiêu 22: Phần đầu 30% trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 23: Phần đầu 85% trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 24: Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em đạt 30% vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.

Phần IV

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. Các nhiệm vụ chủ yếu

1. Tham mưu, triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về công tác BVCSTE.

- Ban hành kịp thời các văn bản để chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện tốt công tác BVCSTE; chỉ đạo việc đưa mục tiêu BVCSTE vào kế hoạch hàng năm và từng giai đoạn của ngành và địa phương, ưu tiên bố trí kinh phí, đề ra các giải pháp, nhiệm vụ để triển khai tổ chức thực hiện đạt các chỉ tiêu đề ra.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em hàng năm, giữa kỳ và cuối kỳ theo kế hoạch 5 năm của các cấp ủy Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và các sở, ngành. Từ đó, kịp thời đánh giá và đề ra giải pháp để thực hiện đảm bảo theo Kế hoạch.

2. Bảo đảm nguồn lực thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về BVCSTE trong đó ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện công tác bảo vệ trẻ em.

a) *Kiến toàn và nâng cao chất lượng bộ máy làm công tác trẻ em các cấp, đảm bảo năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; củng cố và duy trì mạng lưới cộng tác viên làm công tác BVCSTE tại thôn, ấp, khu phố*

- Tiếp tục củng cố, hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nhân lực để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về trẻ em; thực hiện hiệu quả các hoạt động phối hợp liên ngành trong thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em.

- Củng cố, kiện toàn mạng lưới cộng tác viên dân số kiêm công tác BVCSTE tại các thôn, ấp, khu phố.

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành thực hiện nhiệm vụ hoặc liên quan đến bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, đảm bảo thực hiện các quyền

của trẻ em.

b) Đảm bảo kinh phí và vận động sự tham gia của xã hội cho công tác trẻ em các cấp

- UBND các cấp quan tâm, ưu tiên bố trí nguồn ngân sách để đảm bảo thực hiện hiệu quả các mục tiêu về trẻ em và các nhiệm vụ trọng tâm đề ra trong các chương trình, đề án, kế hoạch về công tác trẻ em. Tạo điều kiện hỗ trợ Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp đẩy mạnh hoạt động huy động, vận động, tạo nguồn quỹ để thực hiện các hoạt động hỗ trợ trẻ em, nhất là các trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn.

- Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí của trẻ em, đảm bảo các dịch vụ kinh doanh đúng quy định của pháp luật và văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Tích cực huy động, vận động sự tham gia hỗ trợ, đóng góp nguồn lực của các tổ chức, doanh nghiệp, gia đình, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện tốt các hoạt động bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Tạo cơ chế khuyến khích các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, gia đình, cộng đồng, người dân và trẻ em tham gia bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; cung cấp dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục, vui chơi, giải trí, thể thao, du lịch, thông tin và truyền thông cho trẻ em.

- Tăng cường quản lý, điều phối của các cơ quan nhà nước đối với việc huy động, sử dụng nguồn lực xã hội cho trẻ em để ưu tiên hỗ trợ, giúp đỡ trẻ em tại các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới.

3. Triển khai thực hiện và ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ cho nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Triển khai kịp thời các chính sách về công tác BVCSSTE đảm bảo thực hiện các quyền của trẻ em; thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ trẻ em nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

- Nghiên cứu đề xuất ban hành các chính sách hỗ trợ trẻ em đặc thù, trẻ em đặc biệt khó khăn ngoài những chính sách theo quy định của Trung ương.

4. Phát triển hệ thống dịch vụ đáp ứng thực hiện quyền trẻ em có sự lồng ghép và phối hợp giữa các dịch vụ y tế, giáo dục, tư pháp và các dịch vụ an sinh xã hội; ưu tiên phát triển hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em.

- Triển khai, xây dựng và phát triển mạng lưới, mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em có sự lồng ghép, phối hợp, chuyên tuyến liên ngành, liên cấp và các gói dịch vụ tiếp cận trẻ em, cha mẹ và người chăm sóc trẻ em tại gia đình và cộng đồng phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi trong việc đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp và kiêm nhiệm; Cộng tác viên trẻ em,

đội ngũ cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục, tư pháp, bảo vệ trẻ em và các dịch vụ an sinh xã hội khác để kịp thời hỗ trợ, chăm sóc trẻ em nhất là các trẻ em gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Duy trì, phát triển hệ thống các cơ sở có chức năng, nhiệm vụ chuyên biệt cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em như Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trung tâm Công tác xã hội, cơ sở hỗ trợ cho trẻ em tự kỷ, khuyết tật,... để trẻ có điều kiện hòa nhập với cộng đồng.

- Tạo cơ hội, điều kiện thuận lợi cho trẻ em chủ động tham gia vào các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em và các hoạt động xã hội khác phù hợp với độ tuổi.

5. Tăng cường truyền thông, giáo dục về kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em, vận động xã hội thực hiện các mục tiêu về trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em

- Tổ chức các chiến dịch, sự kiện truyền thông, vận động xã hội tham gia thực hiện quyền của trẻ em như Tháng hành động Vì trẻ em, ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, ngày Toàn dân đưa trẻ em đến trường, ngày Vi chất dinh dưỡng trẻ em, Tết Trung thu, Diễn đàn trẻ em; các sự kiện văn hóa, thể thao... hỗ trợ trẻ em tổ chức các sự kiện, hoạt động truyền thông cho trẻ em và thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông đại chúng về bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Nghiên cứu, sản xuất, nhân bản các sản phẩm truyền thông có chất lượng, phù hợp với vùng, miền và các nhóm đối tượng.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra; xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách, chương trình, mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu và nội dung về trẻ em hàng năm, giữa kỳ và cuối kỳ.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật, chính sách về trẻ em; giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về trẻ em; giải quyết, đôn đốc việc giải quyết ý kiến, kiến nghị của trẻ em, cha mẹ, người giám hộ, tổ chức đại diện tiếng nói nguyện vọng của trẻ em.

- Duy trì, phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu trẻ em (*Bộ chỉ số trẻ em, Sổ theo dõi trẻ em trong gia đình*) và phần mềm quản lý đối tượng trẻ em; thường xuyên rà soát, cập nhật, thu thập thông tin về trẻ em.

- Tổ chức các cuộc khảo sát, điều tra, nghiên cứu về trẻ em, tình hình xâm hại trẻ em và các tác động đến việc thực hiện quyền trẻ em, đặc biệt là điều tra 14 nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn tỉnh để xây dựng kế hoạch trợ giúp, can thiệp hiệu quả đối với trẻ em.

- Nâng cấp hệ thống thông tin, thống kê, báo cáo về tình hình trẻ em, thực hiện chính sách, pháp luật về quyền trẻ em.

- Nâng cấp, phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về trẻ em, bảo đảm chất lượng thông tin về trẻ em, công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em từ cộng đồng dân cư và hộ gia đình.

II. Các giải pháp cơ bản thực hiện Đề án

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền; nâng cao trách nhiệm của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội trong việc thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu của Đề án. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện, biểu dương khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân làm tốt công tác này, đồng thời xử lý nghiêm những hành vi vi phạm quyền trẻ em.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông làm cho mọi người, mọi gia đình, cộng đồng và toàn xã hội nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Kết hợp tốt ba môi trường giáo dục: nhà trường, gia đình và xã hội. Chú trọng hình thức tư vấn, tham vấn, công tác xã hội và vận động trực tiếp gia đình, cộng đồng dân cư về kỹ năng bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Tập trung hoạt động truyền thông, giáo dục vào những vùng dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và những nhóm đối tượng còn hạn chế trong thực hiện trách nhiệm của mình đối với trẻ em.

3. Tăng cường hơn nữa công tác phối hợp liên ngành giữa cơ quan nhà nước các cấp, các ngành với các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị, doanh nghiệp trong thực hiện quyền trẻ em. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội tại địa phương. Phối hợp lồng ghép có hiệu quả các mục tiêu về BVCSTE vào các chương trình mục tiêu kinh tế - xã hội. Xây dựng hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản cho gia đình và trẻ em.

4. Tổ chức tốt công tác vận động xây dựng Quỹ Bảo trợ trẻ em, ngoài ngân sách Nhà nước hỗ trợ có mục đích theo từng thời kỳ, cần đa dạng hoá các hình thức vận động, đóng góp tự nguyện của mọi người, mọi gia đình, các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp, các lực lượng xã hội, các tổ chức quốc tế và các hình thức vận động khác.

5. Bố trí kinh phí để thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động vì trẻ em. Căn cứ vào điều kiện thực tiễn của địa phương, UBND các cấp quyết định kinh phí đảm bảo cho Chương trình hành động vì trẻ em và các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em. Đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, thực hiện tốt các chương trình quốc gia có liên quan đến trẻ em.

6. Củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ; tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp, nhất là cấp cơ sở.

7. Hỗ trợ cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở các thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh.

a) Đối tượng áp dụng: Sử dụng mạng lưới Cộng tác viên dân số kiêm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại các thôn, ấp, khu phố.

b) Mức hỗ trợ: được hỗ trợ bằng 0,125 mức lương cơ sở/người/tháng ngoài mức phụ cấp cộng tác viên dân số đã được hưởng.

8. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em và giáo dục trẻ em. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo thực hiện các quyền của trẻ em.

Phần V

KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kinh phí thực hiện đề án được bố trí từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp quản lý; lồng ghép các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật (nếu có). Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Đề án này, các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương chủ động lập dự toán chi hằng năm, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi hỗ trợ hàng tháng cho cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở thôn, ấp, khu phố (sử dụng mạng lưới Cộng tác viên dân số kiêm công tác BVCSTE tại các thôn, ấp, khu phố) hàng tháng được hỗ trợ bằng 0,125 mức lương cơ sở/người/tháng ngoài mức phụ cấp cộng tác viên dân số đã được hưởng.

Phần VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Là cơ quan thường trực, chủ trì và phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và chính quyền các địa phương triển khai thực hiện các mục tiêu về BVCSTE.

- Tham mưu UBND tỉnh triển khai, thực hiện kịp thời chính sách, pháp luật về công tác trẻ em và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về công tác trẻ em trên địa bàn tỉnh; giải quyết, đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan giải quyết các ý kiến, kiến nghị của trẻ em, phụ huynh trẻ em và tổ chức đại diện tiếng nói

nguyện vọng của trẻ em.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục tham mưu xây dựng và thực hiện hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em (*đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong giai đoạn 2021-2025*) đảm bảo các mục tiêu phù hợp với tình hình thực tế, tránh trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

- Tham mưu, hướng dẫn kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu vì trẻ em tỉnh; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, cộng tác viên làm công tác trẻ em.

- Xây dựng, hướng dẫn thực hiện và phát triển các mô hình bảo vệ trẻ em; phòng, chống xâm hại, tai nạn, thương tích trẻ em; phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em về các vấn đề của trẻ em; phối hợp với Tỉnh đoàn thực hiện và phát triển mô hình Hội đồng trẻ em các cấp.

- Nâng cấp, phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về trẻ em, phục vụ tốt công tác quản lý, điều hành; chủ trì, phối hợp tổ chức khảo sát, điều tra, nghiên cứu về trẻ em và các tác động đến việc thực hiện quyền trẻ em. Tiếp tục xây dựng và duy trì Bộ chỉ số xếp hạng thực hiện quyền trẻ em đối với các địa phương, kết nối cơ sở dữ liệu về trẻ em giữa địa phương với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn phát triển Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp, huy động sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tăng nguồn lực thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá, tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện Đề án; tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Đề án và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

2. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn triển khai, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em của Đề án.

- Thực hiện các giải pháp, chương trình, đề án, dự án về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS, trẻ em khuyết tật v.v...

- Hướng dẫn, hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại, trẻ em di cư, trẻ em bị ảnh hưởng bởi thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; xây dựng, hướng dẫn, thực hiện và phát triển mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trong các cơ sở y tế.

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao kiến thức, kỹ năng phòng ngừa các nguy cơ, nhất là nguy cơ tai nạn, thương tích; xây dựng cộng đồng an toàn phòng chống tai nạn, thương tích trẻ em.

- Vận động các nguồn lực ngoài ngân sách chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho trẻ em; chỉ đạo hệ thống cơ sở y tế thuộc ngành tổ chức mô hình công tác xã hội để tư vấn, trợ giúp, hỗ trợ trẻ em trong quá trình khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn triển khai, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về giáo dục đối với trẻ em. Xây dựng và thực hiện chương trình bảo vệ trẻ em trong môi trường giáo dục.

- Thực hiện các giải pháp để thu hút trẻ mầm non đến trường, thúc đẩy phát triển nhà trẻ trong các khu công nghiệp; tạo điều kiện thu hút trẻ khuyết tật vào học, hòa nhập với trường học công lập; triển khai chính sách, giải pháp nhằm giảm thiểu tình trạng trẻ em bỏ học, đặc biệt là trẻ em vùng dân tộc thiểu số; duy trì và mở rộng các trường bán trú và dân tộc nội trú.

- Tiếp tục xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, không có bạo lực; bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, năng lực về bảo vệ trẻ em cho cán bộ quản lý, giáo viên, cán bộ phụ trách công tác Đoàn - Đội; tích hợp việc giáo dục kỹ năng sống, tự bảo vệ, giao tiếp, ứng xử tích cực cho học sinh vào chương trình giáo dục trong nhà trường và các cơ sở giáo dục; phát triển mô hình đối thoại học đường, cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em trong trường học; đẩy mạnh công tác xã hội trong trường học; nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động tư vấn tâm lý học đường.

- Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong giáo dục, đặc biệt là giáo dục lối sống văn hóa, rèn luyện đạo đức cho học sinh. Tích hợp, lồng ghép các nội dung có sự tham gia của trẻ em vào các chương trình chính khóa và hoạt động ngoại khóa phù hợp với cấp học, năng lực, sự phát triển của trẻ em.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành địa phương hướng dẫn, triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về bảo đảm vui chơi, giải trí cho trẻ em theo lĩnh vực ngành phụ trách.

- Quan tâm tổ chức các hoạt động văn hoá, vui chơi giải trí cho trẻ em với hoạt động biểu diễn, sáng tác nghệ thuật có nội dung phù hợp với văn hóa truyền thống, phù hợp với trẻ em theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ trẻ em, phòng ngừa xâm hại trẻ em trong các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý chặt chẽ các sản phẩm văn hóa và việc tổ chức các hoạt động văn hóa, bảo đảm cho trẻ em được tiếp cận môi trường văn hóa lành mạnh.

- Hướng dẫn, trang bị kỹ năng cho gia đình về thực hiện quyền trẻ em, nâng cao chất lượng phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, đẩy mạnh

công tác phòng, chống bạo lực gia đình và Đề án tuyên truyền giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành hướng dẫn, thực hiện mục tiêu về khai sinh của trẻ em, tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện tốt việc đăng ký khai sinh theo quy định tại Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ về hướng dẫn Luật Hộ tịch và Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.

- Truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ trẻ em trong quá trình tố tụng hình sự, xử lý vi phạm hành chính, đặc biệt đối với trẻ em là nạn nhân, nhân chứng. Đề xuất, tư vấn các biện pháp xử lý thân thiện đối với trẻ em vi phạm pháp luật ở mức không nghiêm trọng, giao cho cộng đồng quản lý, giáo dục các em, tạo điều kiện cho các em được học tập và phát triển.

6. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, địa phương trong việc phối hợp hỗ trợ, can thiệp, bảo vệ an toàn cho trẻ em là nạn nhân bị xâm hại; phòng ngừa tái phạm, quản lý, giáo dục trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật; đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em để thực hiện tốt chỉ tiêu giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em toàn tỉnh.

- Áp dụng các biện pháp điều tra thân thiện đối với trẻ em; nâng cao năng lực, kỹ năng cho lực lượng công an các cấp về điều tra, giải quyết các vụ án liên quan đến trẻ em hoặc người chưa thành niên.

- Đẩy mạnh đấu tranh, phòng ngừa tội phạm xâm hại trẻ em, tội phạm trong lứa tuổi trẻ em; tuyên truyền vận động người dân thông báo, tố cáo các hành vi xâm hại trẻ em và có biện pháp bảo vệ người thông báo, tố cáo.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, Cổng/trang thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh tăng cường truyền thông, giáo dục về kiến thức, kỹ năng thực hiện quyền, bổn phận của trẻ em, vận động xã hội thực hiện các mục tiêu về trẻ em và giải quyết các vấn đề về trẻ em của đề án. Thẩm định, cấp phép xuất bản tài liệu tuyên truyền về các nội dung liên quan đến việc triển khai thực hiện đề án này.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hình thành văn hóa số cho trẻ em, hướng dẫn tăng cường năng lực của trẻ em tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đồng thời có giải pháp bảo đảm an toàn cho trẻ em khi tham gia môi trường mạng.

- Thường xuyên tổ chức phổ biến chính sách, pháp luật về trẻ em và bồi dưỡng

nâng cao năng lực cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí về thực hiện quyền trẻ em trong hoạt động thông tin, truyền thông.

8. Ban Dân tộc tỉnh: Đẩy mạnh thông tin, truyền thông về các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về hôn nhân, gia đình và trẻ em để nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi trong hôn nhân, giảm thiểu tảo hôn ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

9. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành liên quan tổng hợp các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh 5 năm và hằng năm trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan cân đối nguồn lực, bố trí vốn để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về công tác trẻ em trong Đề án; vận động các nguồn lực ngoài ngân sách cùng tham gia thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

10. Sở Tài chính

- Trên cơ sở dự toán của các sở, ban, ngành, địa phương, tham mưu UBND tỉnh kinh phí thực hiện các hoạt động của Đề án theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Hướng dẫn các sở, ngành, địa phương lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí Đề án theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

11. Sở Xây dựng: Rà soát, tổng hợp, bổ sung các thiết chế cơ bản trên địa bàn toàn tỉnh để đưa vào quy hoạch, bố trí các điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em theo đúng quy định của pháp luật.

12. Sở Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố trong quá trình quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng, quan tâm bố trí quỹ đất để xây dựng các điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em.

13. Các sở, ban, ngành liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ và của cơ quan, đơn vị, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh; báo cáo kết quả thực hiện Đề án gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, đẩy mạnh tuyên truyền, thông tin đến cán bộ, đoàn viên, hội viên về nội dung của Đề án; lồng ghép truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật và giám sát thực hiện Đề án.

15. Đề nghị Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Tỉnh đoàn

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, đẩy mạnh tuyên truyền, thông tin đến cán bộ, đoàn viên, hội viên về nội dung của Đề án; lồng ghép truyền thông, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật và giám sát thực hiện Đề án.

- Tỉnh đoàn chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan thực hiện nhiệm vụ của tổ chức đại diện tiếng nói, nguyện vọng của trẻ em và giám sát việc thực hiện quyền trẻ em theo ý kiến, nguyện vọng của trẻ em; phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan hướng dẫn bảo đảm sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì hoặc phối hợp với các ban, ngành chức năng tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em.

16. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tại địa phương theo giai đoạn 05 năm và hằng năm, trong đó phải đề ra các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và giải pháp khả thi để tổ chức thực hiện. Triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả các chính sách, pháp luật về trẻ em, trong đó tập trung thực hiện các giải pháp, biện pháp xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện, phù hợp với trẻ em.

- Tham mưu cho HĐND cùng cấp ban hành Nghị quyết về tăng cường thực hiện công tác BVCSTE tại địa phương; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ, chuyên đề về việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em trên địa bàn theo quy định.

- Bố trí ngân sách đảm bảo thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án tại địa phương; đối ứng ngân sách địa phương để thực hiện, nhân rộng các mô hình, hoạt động về thực hiện quyền trẻ em trong các chương trình, kế hoạch, dự án do ngân sách Trung ương và nguồn viện trợ quốc tế (nếu có).

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra, rà soát việc bảo đảm môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện với trẻ em; phòng, chống xâm hại, tai nạn, thương tích trẻ em và phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em; chỉ đạo xử lý nghiêm và kịp thời các vụ việc xâm hại trẻ em trên địa bàn.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả của tổ chức phối hợp liên ngành trong việc thực hiện hoạt động bảo vệ trẻ em tại cấp huyện, cấp xã. Kiện toàn, bố trí hợp lý nhân lực thực hiện công tác trẻ em tại địa phương.

- Theo dõi, đánh giá việc thực hiện Đề án của địa phương; sơ kết vào năm 2023 và tổng kết vào năm 2025 về kết quả thực hiện Đề án gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số:



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của Nghị quyết tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Trong những năm qua, công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em luôn được Đảng, Nhà nước và toàn xã hội quan tâm, được coi là một trong những chính sách ưu tiên hàng đầu để bảo đảm an sinh xã hội, vì mục tiêu phát triển ổn định và lâu dài của đất nước.

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 16/2010/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2010 của HĐND tỉnh, được sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và sự phối hợp của các cấp, các ngành, địa phương nên công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh có sự chuyển biến rõ nét, đa số các chỉ tiêu về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, giáo dục cho trẻ em đều đạt và vượt so với kế hoạch

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em (BVCSTE) của tỉnh vẫn hiện đang có những hạn chế, bất cập cần quan tâm giải quyết trong thời gian tới, cụ thể:

- Việc thực hiện các quyền trẻ em; xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện nhằm bảo vệ trẻ em ở nhiều địa phương chưa được quan tâm đúng mức, chưa có các biện pháp hiệu quả dẫn tới tình trạng trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại, tai nạn thương tích, đặc biệt là đuối nước trẻ em vẫn xảy ra với diễn biến phức tạp và nghiêm trọng. Từ năm 2011-2014, có 141 em bị xâm hại, từ năm 2015-2020 có trẻ em bị xâm hại: 200 em (nữ: 199 em; nam: 01 em), trong đó bị bạo lực: 01 em, bị xâm hại tình dục: 193 em, các hành vi xâm hại khác: 06 em. Tình trạng trẻ em bị tai nạn thương tích và tử vong do tai nạn thương tích còn nhiều (từ năm 2016- 2020: có 11.240 em bị tai nạn thương tích và 135 em tử vong do tai nạn thương tích, 6 tháng đầu năm 2021 có 20 em bị tử vong do tai nạn thương tích).

- Hiện nay toàn tỉnh có 303.666 em dưới 16 tuổi, trong đó trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là 3.541 trẻ em (chiếm 1,16%) và trẻ em nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt hơn 25.000 em (chiếm 8,17%) trên tổng số trẻ em toàn tỉnh. Đây là khó khăn, thách thức cho công tác BVCSTE của tỉnh trong thời gian tới.

- Hệ thống cung cấp các dịch vụ bảo vệ trẻ em còn nhiều hạn chế, công tác truyền thông, giáo dục chính sách, pháp luật về trẻ em đã được đẩy mạnh nhưng chưa thật sự hiệu quả và thường xuyên; công tác kiểm tra, giám sát, phối hợp giữa các ngành, các địa phương trong thực hiện quyền trẻ em, giải quyết các vấn đề về trẻ em chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

Bên cạnh đó giai đoạn 2021- 2025 có rất nhiều chương trình, đề án, kế hoạch của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương về công tác BVCSTE, để thực hiện hiệu quả các văn bản trên rất cần sự tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội và huy động, vận động sự tham gia của các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong toàn xã hội, gia đình và mỗi công dân công việc đảm bảo thực hiện quyền trẻ em.

- Chính sách hỗ trợ cho đội ngũ cán bộ làm công tác BVCSTE tại cấp xã và cộng tác viên BVCSTE tại thôn, ấp, khu phố còn thấp vì vậy không tạo được động lực và sự thu hút cho lực lượng này (cán bộ làm công tác BVCSTE ở xã, phường, thị trấn hệ số là 0,15 và Cộng tác viên ở thôn, ấp, khu phố là 0,1). Hiện ở một số xã không còn bố trí cộng tác viên làm trẻ em, đội ngũ này không hoạt động gây khó khăn rất lớn cho công tác BVCSTE ở cơ sở.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

- Cụ thể hóa chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và tỉnh Bình Phước về công tác BVCSTE; từng bước nâng cao chất lượng của chính sách, bảo đảm sự tương đồng với các chính sách xã hội khác; gắn liền với quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và tỉnh Bình Phước. Duy trì đảm bảo 100% đối tượng trẻ em được quan tâm, bảo vệ và chăm sóc trong đó đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đủ điều kiện được thụ hưởng kịp thời, đầy đủ các chính sách của Nhà nước và của Tỉnh.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền và huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác BVCSTE. Tiếp tục tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong cán bộ, Nhân dân về công tác trẻ em.

- Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh xem xét bố trí nguồn lực cho phù hợp. Bảo đảm tính kế thừa về chính sách trợ giúp đối với trẻ em theo các Nghị quyết của tỉnh tiếp tục được hưởng; đồng thời nghiên cứu mở rộng nhóm đối tượng khó khăn chưa được hưởng chính sách theo quy định.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Xác định vấn đề bất cập

- Đến cuối năm 2020, tổng số trẻ em trên địa bàn tỉnh là 303.666 em chiếm khoảng 30% dân số toàn tỉnh; số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt là 3.541 trẻ em, trong đó chủ yếu là nhóm trẻ em khuyết tật. Số trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt khoảng 25.000 trẻ em. Với tổng số trẻ em và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, rất cần sự đầu tư nguồn lực tương xứng để thực hiện các nhiệm vụ BVCSTE từ tỉnh đến cơ sở. Tuy nhiên, thực tế việc bố trí ngân sách địa phương và phân công cán bộ phụ trách công tác BVCSTE chưa được quan tâm đúng mức. Vẫn có một số huyện, thị xã, thành phố chưa quan tâm bố trí kinh phí riêng

để thực hiện công tác trẻ em vì vậy việc tổ chức thực hiện công tác BVCSTE hiệu quả chưa cao.

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ từ các huyện, thị xã và thành phố tính đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 3.541 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt (trong đó chủ yếu là trẻ mồ côi, trẻ khuyết tật, trẻ em bị bệnh hiểm nghèo ...), 25.000 trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt. Mỗi năm trên địa bàn tỉnh có khoảng 2.500 trẻ em bị tai nạn thương tích (trong đó có khoảng 30 trẻ tử vong). Trong số các trẻ em này có nhiều trẻ em bị bệnh tim bẩm sinh, dị tật vận động, sút môi – hở hàm ếch, các bệnh về mắt thuộc hộ nghèo, cận nghèo chưa được hỗ trợ phẫu thuật phục hồi chức năng vì gia đình của các cháu này lại rơi vào hoàn cảnh nghèo khó, chi phí điều trị rất tốn kém nên không có khả năng đưa các cháu đi phẫu thuật phục hồi chức năng. Nhóm trẻ em này rất cần được sự quan tâm đặc biệt của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội và cộng đồng bảo vệ, chăm sóc, tạo cơ hội tốt nhất cho các em để các em được sống và phát triển một cách toàn diện.

Vì vậy việc trợ giúp các nhóm đối tượng trên không chỉ trông chờ vào sự trợ giúp của các tổ chức, cá nhân có lòng hảo tâm mà rất cần được sự hỗ trợ của ngân sách nhà nước để thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Đảng, Nhà nước đối với các nhóm trẻ em này, giúp cho các em có sức khỏe tốt góp phần giảm gánh nặng cho gia đình và xã hội.

- Hoạt động đội ngũ Công tác viên làm công tác trẻ em tại các thôn, ấp, khu phố thường xuyên thay đổi, biến động do mức hỗ trợ này so với hiện nay là rất thấp, không còn phù hợp với tình hình thực tế nên không khuyến khích được đối tượng này hoạt động tích cực (Mức phụ cấp hỗ trợ đang thực hiện theo Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2011 quy định về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Trong đó quy định bố trí công tác viên BVCSTE tại thôn, ấp, khu phố với mức hỗ trợ 0.1 mức lương cơ sở).

Vì vậy việc ban hành Nghị quyết tăng cường công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 là cơ sở để các ngành và các địa phương bố trí nguồn lực đảm bảo thực hiện hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu về BVCSTE theo quy định tại Luật Trẻ em.

2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Ưu tiên bố trí các nguồn lực cho hoạt động BVCSTE, bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em, xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh và thân thiện, góp phần hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu về BVCSTE trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành chính sách hỗ trợ đặc thù cho nhóm đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn; tăng tỷ lệ bao phủ hỗ trợ chính sách theo tinh thần của Chỉ thị số 20/CT-TW ngày 05/11/2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em trong tình hình mới; Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020; Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính

phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; Quyết định số 488/QĐ-TTg ngày 14/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”; Quyết định số 23/QĐ-TTg Ngày 07/1/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 – 2030; đảm bảo thực hiện quyền của trẻ em được quy định tại Luật Trẻ em.

- Chế độ, chính sách đồng nhất, hệ thống trong cùng một văn bản; thuận tiện cho việc hướng dẫn và triển khai thực hiện; rút ngắn các quy trình thủ tục hành chính; thuận tiện trong công tác quản lý, theo dõi, thực hiện.

3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

3.1. Ngoài các nguồn lực được bố trí hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch theo hệ thống từ Trung ương, ngân sách tỉnh hỗ trợ để thực hiện các chỉ tiêu, giải pháp theo tình hình thực tế của tỉnh, cụ thể:

Lý do đề xuất: bố trí ngân sách tỉnh để chủ động hỗ trợ thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em sẽ tạo thuận lợi rất lớn trong việc hỗ trợ các nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đúng quy định, kịp thời, không phụ thuộc vào nguồn vận động như trước đây.

Ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ khoảng 10.350 trẻ em dưới 16 tuổi thuộc các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật, gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Ưu điểm: Hỗ trợ nhanh, kịp thời cho đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, giảm gánh nặng cho ngân sách địa phương. Giảm bớt khó khăn cho trẻ em và gia đình góp phần bảo đảm an sinh xã hội. Bảo đảm các quyền của trẻ em, giúp các em ổn định cuộc sống, tăng cường vị thế xã hội của đối tượng trong gia đình và cộng đồng. Bảo đảm cho các trẻ em có thêm điều kiện để phát triển toàn diện

Nhược điểm: Phát sinh nguồn lực từ ngân sách nhà nước.

3.2. Hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước hàng năm chi bồi dưỡng cho cộng tác viên BVCSTE ở thôn, ấp, khu phố. Cụ thể:

Bố trí đội ngũ Cộng tác viên dân số kiêm công tác BVCSTE tại thôn, ấp, khu phố. Đồng thời, được hỗ trợ thêm hàng tháng bằng 0,125 mức lương cơ sở/người (186.250đ) ngoài mức phụ cấp cộng tác viên dân số đã được hưởng.

- *Lý do đề xuất:* Mức kinh phí hỗ trợ hiện nay rất thấp so với mặt bằng chung; việc bố trí mức phụ cấp căn cứ vào mức hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ của Bí thư Chi bộ thôn, ấp, khu phố kiêm nhiệm Trưởng thôn, ấp, khu phố hoặc kiêm nhiệm Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, ấp, khu phố.

Phù hợp với quy định tại khoản 3, Mục III, Điều 1 của Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, mạng lưới và cơ chế phối hợp liên ngành làm công tác dân số và phát triển các cấp, quy định "*Triển khai đội ngũ cộng tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ của cộng tác*

viên dân số với công tác gia đình, bảo vệ trẻ em".

- *Ưu điểm:* Không làm phát sinh thêm biên chế; khắc phục được tình trạng địa bàn rộng, dân cư đông vì đối tượng này quản lý theo dân số, hộ gia đình nên sẽ sâu sát địa bàn, giảm gánh nặng chi phí đi lại (tăng về số lượng cộng tác viên 1.658 người).

Thực hiện đúng chủ trương, mục tiêu của Trung ương và của tỉnh về kiện toàn, tổ chức bộ máy theo cơ chế phối hợp liên ngành theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực, tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả (*cộng tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em*) và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

- *Nhược điểm:* Nếu áp dụng mức hỗ trợ này ngân sách tỉnh chi hỗ trợ là 2.964.504.000 đồng/năm. Tức tăng thêm 1.425.036.000đ/năm so với mức hỗ trợ hiện nay là 1.539.468.000 đồng/năm.

4. Đánh giá tác động

a. Tác động về mặt kinh tế

Nhìn chung, giải pháp đề xuất mức hỗ trợ nêu trên sẽ tăng kinh phí so với mức đang thực hiện hỗ trợ. Tuy nhiên qua việc bố trí kinh phí sẽ tạo được hệ thống cộng tác viên làm công tác BVCSTE, tăng độ bao phủ người làm công tác BVCSTE trên địa bàn của tỉnh, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của các địa phương. Chính vì vậy công tác BVCSTE sẽ được triển khai đồng bộ và hiệu quả hơn.

b. Tác động về mặt xã hội

Thể hiện sự quan tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền trên địa bàn tỉnh đối với việc chăm lo cho trẻ em nói chung và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, phù hợp với nhu cầu và xu thế phát triển của xã hội. Góp phần giảm bớt khó khăn cho các em, xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh cho trẻ em; giảm nguy cơ trẻ em bị bạo lực, xâm hại, bị từ vong do tai nạn thương tích.

Nếu chính sách được ban hành sẽ kịp thời hỗ trợ, từng bước cải thiện điều kiện sống cho bộ phận trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn tỉnh; phù hợp với nguyện vọng của cử tri; góp phần vào việc xây dựng chính sách an sinh xã hội của tỉnh đảm bảo hiệu quả, phù hợp với chủ trương, quy định của Chính phủ, tạo động lực để ổn định chính trị - xã hội, phát triển bền vững.

c. Tác động về giới

Khi Nghị quyết được thông qua, việc triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết sẽ giúp cho đối tượng thụ hưởng chính sách là trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước, không phân biệt là nam hay nữ đều có cơ hội được hỗ trợ như nhau về chăm sóc sức khỏe dinh dưỡng, giáo dục, vui chơi giải trí cho trẻ em, hỗ trợ phẫu thuật các loại khuyết tật miễn phí, hỗ trợ học bổng. Giúp các em bình đẳng về cơ hội phát triển và phục hồi.

d. Tác động của thủ tục hành chính

Giải pháp này không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

đ. Tác động đối với hệ thống pháp luật

Phù hợp, tác động tích cực thúc đẩy hỗ trợ thực hiện quyền trẻ em theo

quy định tại Luật Trẻ em năm 2016; phù hợp với quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước trong thực hiện chính sách an sinh xã hội (Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020-2025) cũng như tuân thủ Công ước quốc tế về quyền trẻ em.

III. Lấy ý kiến đối với Báo cáo đánh giá tác động của chính sách

Việc lấy ý kiến về dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách “Nghị quyết tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030” được đăng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Website của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và thực hiện bằng văn bản đề nghị các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đóng góp ý kiến.

Các ý kiến góp ý đã được Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo và giải trình bằng văn bản gửi các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến theo đường công văn hoặc qua thư điện tử.

IV. Giám sát và đánh giá

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách: UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Cơ quan giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Tài chính.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của về Nghị quyết tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh (b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Sở LĐTBXH;
- Lưu: VT, VX.

CHỦ TỊCH

Số: 306 /BC-SLĐTBXH

Bình Phước, ngày 27 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO

**Tổng hợp các ý kiến của các cơ quan, đơn vị
đối với hồ sơ Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua
Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh
Bình Phước giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030**

Thực hiện Công văn số 2805/UBND-TH ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đăng ký đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2021.

Để đảm bảo văn bản tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đúng quy định của pháp luật, ngày 15 tháng 10 năm 2021, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 1997/SLĐTBXH-QLLVXH gửi các sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đề nghị các đơn vị góp ý kiến toàn diện đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết ban hành Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030 (Đề án, Tờ trình của UBND tỉnh, Nghị quyết của HĐND tỉnh).

Đến ngày 28 tháng 10 năm 2021, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã nhận được văn bản góp ý của 19/25 đơn vị gửi xin ý kiến góp ý (9 sở, ngành và 10 huyện, thị xã, thành phố). Trong đó có 17 đơn vị thống nhất hoàn toàn với Dự thảo Nghị quyết và các hồ sơ kèm theo. Có 02 đơn vị góp ý cụ thể vào nội dung Dự thảo Nghị quyết.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xin tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý của các đơn vị, cụ thể như sau:

1. Đối với ý kiến góp ý của Sở Tư pháp (tại Công văn số 578/STP-PC ngày 26/10/2021)

- Tại phần tên gọi của Dự thảo Nghị quyết đề nghị Sở Lao động, Thương binh và Xã hội xem xét, chỉnh sửa lại giai đoạn thực hiện cho phù hợp, vì Nghị quyết này được Thường trực HĐND tỉnh giao UBND tỉnh trình tại kỳ họp cuối năm 2021.

Tiếp thu, giải trình: Các chỉ tiêu tại Dự thảo Nghị quyết được xây dựng căn cứ vào Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021- 2030, năm 2021 đã bắt đầu thực hiện các chỉ tiêu này vì vậy Nghị quyết được trình vào

kỳ họp cuối năm 2021 nhưng các chỉ tiêu này vẫn đang được thực hiện và để đảm bảo sự đồng bộ trong triển khai thực hiện với chỉ đạo của Trung ương, vì vậy Sở Lao động Thương binh và Xã hội đề nghị giữ nguyên như Dự thảo Nghị quyết.

- Nội dung tại khoản 1 mục IV dự thảo quy định phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đã được quy định cụ thể tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh và Nghị quyết số 30/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh. Do đó đề nghị Sở Lao động, Thương binh và Xã hội xem xét đưa nội dung này ra khỏi dự thảo cho phù hợp theo quy định của pháp luật.

Tiếp thu, giải trình: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tiếp thu và đã đưa nội dung này ra khỏi Dự thảo Nghị quyết.

- Với các ý kiến còn lại, Sở Lao động Thương binh và Xã hội đã tiếp thu, bổ sung, chỉnh lý dự thảo; đồng thời điều chỉnh lại bố cục Dự thảo Nghị quyết.

2. Đối với ý kiến góp ý của UBND huyện Phú Riềng (tại Công văn 1542/UBND-VX ngày 20/10/2021)

- Đề nghị thống nhất lại các chỉ tiêu tại Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình hành động vì trẻ em trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 với các chỉ tiêu tại dự thảo Nghị quyết và các văn bản kèm theo.

Tiếp thu, giải trình: Sở Lao động Thương binh và Xã hội tiếp thu ý kiến và đã chỉnh sửa lại Dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là Báo cáo tổng hợp các ý kiến góp ý đối với các văn bản Dự thảo Nghị quyết ban hành Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

(Kèm theo các văn bản góp ý đối với Dự thảo của các đơn vị).

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Lưu: VT, QLLVXH (T-01).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Xuân



Số:

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 19 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em;

Căn cứ Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em;

Thực hiện Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 – 2030;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-VHXX ngày / /2021 của Ban Văn hoá xã hội Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030, với những nội dung sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp và chính sách đảm bảo thực hiện quyền trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục, gia đình, công dân Việt Nam.

b) Trẻ em, ưu tiên trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em dân tộc thiểu số.

c) Cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại thôn, ấp, khu phố.

d) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm thực hiện các quyền trẻ em; xây dựng môi trường thân thiện, an toàn, lành mạnh và bình đẳng để tạo điều kiện cho trẻ em phát triển toàn diện; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được trợ giúp kịp thời, phòng ngừa, phát hiện sớm và bảo vệ trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, bạo lực, ngược đãi. Tạo cơ hội cho trẻ em được tham gia vào các hoạt động xã hội, được bày tỏ ý kiến của mình về những vấn đề có liên quan đến trẻ em.

4. Các chỉ tiêu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

a) Mục tiêu 1: Về phát triển toàn diện trẻ em, chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho trẻ em.

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn phù hợp với trẻ em đạt 76,9% vào năm 2025 và 84,6% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ trẻ em đến 8 tuổi được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc phát triển toàn diện đạt 80% vào năm 2025 và 85% vào năm 2030

- Chỉ tiêu 3: Giảm tỷ suất tử vong trẻ sơ sinh trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 9,5 vào năm 2025 và dưới 9% vào năm 2030; giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống xuống 12,5 vào năm 2025 và 10 vào năm 2030; giảm tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống dưới 18,8 vào năm 2025 và dưới 15 vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 4: Phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng theo tuổi xuống dưới 9% vào năm 2025 và dưới 6% vào năm 2030;

giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao theo tuổi xuống 20% vào năm 2025 và dưới 19% vào năm 2030; giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể béo phì xuống dưới 5% đối với nông thôn và dưới 10% đối với thành thị vào năm 2025 và năm 2030.

- Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin đạt 95% vào năm 2025 và 98% vào năm 2030; 100% trẻ em dưới 5 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 6: Tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con là 2% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 7: 100% cơ sở giáo dục cho trẻ em có công trình vệ sinh.

b) Mục tiêu 2: Về bảo vệ trẻ em

- Chỉ tiêu 8: Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên tổng số trẻ em xuống dưới 4,5% vào năm 2025 và 3,5% vào năm 2030; trên 98% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp từ năm 2025.

- Chỉ tiêu 9: Giảm tỷ lệ trẻ em bị xâm hại trên tổng số trẻ em xuống dưới 4% vào năm 2025 và xuống dưới 3,5% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 10: Phần đầu giảm tỷ lệ lao động trẻ em và người chưa thành niên từ 5 đến 17 tuổi xuống 4,5% vào năm 2025 và xuống dưới 4% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 11: Giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn thương tích xuống 550/100.000 trẻ em vào năm 2025 và 500/100.000 vào năm 2030; giảm tỷ suất trẻ em bị tử vong do tai nạn thương tích xuống còn 13/100.000 trẻ em vào năm 2025 và xuống còn 12/100.000 vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 12: Phần đầu 100% trẻ em gặp thiên tai, thảm họa được cứu trợ, hỗ trợ kịp thời.

- Chỉ tiêu 13: Từng bước xóa bỏ tình trạng tảo hôn, duy trì mức giảm số cuộc tảo hôn từ 2% đến 3% hằng năm giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2030.

- Chỉ tiêu 14: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được đăng ký khai sinh đạt 99% vào năm 2025, phần đầu 100% vào năm 2030.

c) Mục tiêu 3: Về giáo dục, văn hóa, vui chơi, giải trí cho trẻ em

- Chỉ tiêu 15: Phần đầu tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi được phát triển phù hợp về sức khỏe, học tập và tâm lý xã hội đạt 99,1% vào năm 2025 và 99,3% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 16: Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 99,1% vào năm 2025 và 99,3% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 17: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học đạt 99,5% vào năm

2025 và đạt 99,8% vào năm 2030; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học dưới 0,12% vào năm 2025 và dưới 0,1% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 18: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở đạt 98% vào năm 2025 và đạt 98,5% vào năm 2030; phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở dưới 0,14% vào năm 2025 và dưới 0,05% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 19: Phần đầu 80% trường học có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em vào năm 2025.

- Chỉ tiêu 20: Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với học sinh, sinh viên khuyết tật đạt 50% vào năm 2025 và 55% vào năm 2030; tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp đạt 80% vào năm 2025 và đạt 90% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 21: Phần đầu tỷ lệ các xã, phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em đạt 40% vào năm 2025 và 45% vào năm 2030.

d) Mục tiêu 4: Về sự tham gia của trẻ em vào các vấn đề về trẻ em

- Chỉ tiêu 22: Phần đầu 30% trẻ em từ 07 tuổi trở lên được hỏi ý kiến về các vấn đề của trẻ em với các hình thức phù hợp vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 23: Phần đầu 85% trẻ em được nâng cao nhận thức, năng lực về quyền tham gia của trẻ em vào năm 2025 và 90% vào năm 2030.

- Chỉ tiêu 24: Tỷ lệ trẻ em từ 11 tuổi trở lên được tham gia vào các mô hình, hoạt động thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em đạt 30% vào năm 2025 và 35% vào năm 2030.

5. Các giải pháp cơ bản thực hiện Đề án

a) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền; nâng cao trách nhiệm của các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội trong việc thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu của Đề án. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện, biểu dương khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân làm tốt công tác này, đồng thời xử lý nghiêm những hành vi vi phạm quyền trẻ em.

b) Đẩy mạnh công tác truyền thông làm cho mọi người, mọi gia đình, cộng đồng và toàn xã hội nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Kết hợp tốt ba môi trường giáo dục: nhà trường, gia đình và xã hội. Chú trọng hình thức tư vấn, tham vấn, công tác xã hội và vận động trực tiếp gia đình, cộng đồng dân cư về kỹ năng bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Tập trung hoạt động truyền thông, giáo dục vào những vùng dân tộc ít

người, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và những nhóm đối tượng còn hạn chế trong thực hiện trách nhiệm của mình đối với trẻ em.

c) Tăng cường hơn nữa công tác phối hợp liên ngành giữa cơ quan nhà nước các cấp, các ngành với các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị, doanh nghiệp trong thực hiện quyền trẻ em. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội tại địa phương. Phối hợp lồng ghép có hiệu quả các mục tiêu về BVCSTE vào các chương trình mục tiêu kinh tế - xã hội. Xây dựng hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản cho gia đình và trẻ em.

d) Tổ chức tốt công tác vận động xây dựng Quỹ Bảo trợ trẻ em, ngoài ngân sách Nhà nước hỗ trợ có mục đích theo từng thời kỳ, cần đa dạng hoá các hình thức vận động, đóng góp tự nguyện của mọi người, mọi gia đình, các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp, các lực lượng xã hội, các tổ chức quốc tế và các hình thức vận động khác.

e) Bố trí kinh phí để thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động vì trẻ em. Căn cứ vào điều kiện thực tiễn của địa phương, UBND các cấp quyết định kinh phí đảm bảo cho Chương trình hành động vì trẻ em và các chương trình, đề án, kế hoạch về trẻ em. Đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, thực hiện tốt các chương trình quốc gia có liên quan đến trẻ em.

h) Cùng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ; tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp, nhất là cấp cơ sở.

k) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc trẻ em và giáo dục trẻ em. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo thực hiện các quyền của trẻ em

6. Hỗ trợ cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở các thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh.

a) Đối tượng áp dụng: Sử dụng mạng lưới Cộng tác viên dân số kiêm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại các thôn, ấp, khu phố.

b) Mức hỗ trợ: được hỗ trợ bằng 0,125 mức lương cơ sở/người/tháng ngoài mức phụ cấp cộng tác viên dân số đã được hưởng.

7. Kinh phí thực hiện Đề án

Kinh phí thực hiện Đề án được bố trí từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp quản lý; lồng ghép các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ thông qua ngày ... tháng ... năm 2021, có hiệu lực từ ngày tháng năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 16/2010/NQ - HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khoá VII, kỳ họp thứ mười chín từ ngày 07 đến ngày 08 tháng 12 năm 2010 về việc thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB), Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- TTTU, TTHĐND, UBND, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nghị quyết thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 đã được Thường trực HĐND tỉnh giao UBND tỉnh trình tại kỳ họp thứ ba (cuối năm 2021) tại Công văn số 306/HĐND ngày 11/10/2021.

Tuy nhiên, dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 chưa được Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thực hiện phản biện theo quy định tại Nghị quyết số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đồng thời, hồ sơ kèm theo Công văn số 2095/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 27/10/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội gửi Sở Tư pháp thẩm định không có Báo cáo tổng kết quá trình thực hiện Nghị quyết số 16/2010/NQ-HĐND ngày 14/12/2010 của HĐND tỉnh thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020. Do đó, đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội bổ sung cho phù hợp theo quy định.

II. Nội dung thẩm định

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết

Nghị quyết này là Nghị quyết thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 không quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng. Do đó, đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội bổ sung phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị quyết cho đầy đủ.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 2 của Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng chống xâm hại trẻ em thì Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình: *“Tăng cường công tác ban hành theo thẩm quyền chính sách, pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành, các nội dung, chương trình, kế hoạch về công tác bảo vệ trẻ em, phòng, chống xâm hại trẻ em phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương;”*. Do đó, việc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết này tại kỳ họp cuối năm 2021 là phù hợp theo quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

Đồng thời, nội dung của dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-

2025, định hướng đến năm 2030 được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh trên cơ sở căn cứ các quy định của Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016, Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 - 2030. Vì vậy, đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát lại các chỉ tiêu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 cho phù hợp với tình hình thực tế địa phương, đầy đủ tránh thiếu sót khi Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với các quy định trong văn bản đã giao cho HĐND quy định chi tiết

Nội dung dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh căn cứ trên các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được quy định tại Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030. Do đó, đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát lại các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương để đảm bảo tính khả thi khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

4. Về ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Ngôn ngữ và kỹ thuật soạn thảo của dự thảo Nghị quyết về cơ bản đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 và Điều 69 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ. Tuy nhiên, đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chỉnh sửa lại một số nội dung sau cho phù hợp, cụ thể:

a) Tại phần căn cứ pháp lý:

- Đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý sau cho đầy đủ, cụ thể:

“Thực hiện Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 – 2030;”

- Đề nghị chuyển căn cứ pháp lý thứ 6, 7 lên sau căn cứ pháp lý thứ 1, 3 cho phù hợp; đồng thời chuyển căn cứ pháp lý thứ 2 xuống sau căn cứ pháp lý thứ 4 cho phù hợp;

- Trong toàn bộ các căn cứ pháp lý đề nghị rà soát và trích dẫn cho đúng số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành và tên gọi của văn bản QPPL cấp trên (ví dụ: *Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;*); đồng thời rà

soát lại lỗi chính tả trong các căn cứ pháp lý cho đúng (ví dụ: căn cứ pháp lý thứ 5 của dự thảo);

- Đề nghị sắp xếp lại các căn cứ pháp lý từ căn cứ pháp lý trước đến căn cứ pháp lý sau, từ căn cứ pháp lý có hiệu lực pháp lý cao hơn đến thấp hơn cho phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ;

b) Tại phần đề nghị ban hành của dự thảo đề nghị chỉnh sửa lại cho ngắn gọn mà vẫn đảm bảo theo quy định tại Mẫu số 16 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

c) Tại Điều 1 dự thảo đề nghị chỉnh sửa lại bố cục điều, khoản, điểm cho phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.

d) Đề nghị xem xét lại chỉ tiêu 4 quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của dự thảo cho phù hợp; đồng thời đưa nội dung quy định chỉ tiêu vào năm 2030 ra khỏi quy định tại chỉ tiêu 4 cho phù hợp vì điểm a khoản 2 chỉ quy định chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025.

đ) Tại đoạn 1 Điều 2 đề nghị bổ sung đơn vị tổ chức thực hiện Nghị quyết là “Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân” cho đầy đủ, phù hợp; đồng thời tại đoạn 2 Điều 2 của dự thảo đề nghị trích dẫn đầy đủ số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành, tên gọi của Nghị quyết số 16/2010/NQ-HĐND ngày 14/12/2010 của HĐND tỉnh.

III. Kết luận

Dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 chỉ đủ điều kiện tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua theo quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020 và các văn bản có liên quan sau khi đã tiếp thu, chỉnh sửa hoặc giải trình các ý kiến thẩm định tại Báo cáo này.

IV. Kiến nghị

Đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội bổ sung Báo cáo tổng kết quá trình thực hiện Nghị quyết số 16/2010/NQ-HĐND ngày 14/12/2010 của HĐND tỉnh thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020.

Trên đây là Báo cáo thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở LĐTBXH;
- Giám đốc;
- Lưu: VT, PC.

GIÁM ĐỐC



Lê Tiến Hiếu

Số: 327 /BC-SLĐTBXH

Bình Phước, ngày 02 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu, chỉnh sửa nội dung đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 theo thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 272/BC-STP ngày 02/11/2021

Thực hiện Công văn số 3452/UBND-TH ngày 12 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp cuối năm 2021.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 2095/SLĐTBXH-QLLVXH đề nghị Sở Tư pháp thẩm định toàn bộ hồ sơ các dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và các văn bản kèm theo. Ngày 02 tháng 11 năm 2021, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhận được Báo cáo số 272/BC-STP của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết Thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, cụ thể như sau:

S T T	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	Ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
1	Dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 chưa được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thực hiện phản biện theo quy định tại Nghị quyết số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 15/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy	Giải trình: Thực hiện Công văn số 3452/UBND-TH ngày 12/10/2021 của UBND tỉnh về việc khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ trình HĐND thông qua tại kỳ họp cuối năm 2021, theo đó chỉ có 02 dự thảo Nghị quyết cần UBMTTQ phản biện, trong đó không bao gồm nghị quyết

	ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.	này. Ngày 15/10/2021, Sở Lao động TB&XH đã có Công văn số 1997/SLĐTBXH-QLLVXH gửi Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và đã được góp ý tại Công văn số 1303/MTTQ-BTT ngày 27/10/2021. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã thống nhất với dự thảo Nghị quyết và các văn bản kèm theo.
2	Hồ sơ kèm theo Công văn số 2095/SLĐTBXH-QLLVXH ngày 27/10/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội gửi Sở Tư pháp thẩm định không có Báo cáo tổng kết quá trình thực hiện Nghị quyết số 16/2010/NQ-HĐND ngày 14/12/2010 của HĐND tỉnh thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020. Do đó, đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội bổ sung cho phù hợp theo quy định.	Thống nhất bổ sung Báo cáo tổng kết quá trình thực hiện Nghị quyết số 16/2010/NQ-HĐND ngày 14/12/2010 của HĐND tỉnh thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020.
3	Đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội bổ sung phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị quyết cho đầy đủ	Thống nhất chỉnh sửa theo nội dung góp ý
4	Đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát lại các chỉ tiêu, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, tránh thiếu sót khi Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua và đảm bảo tính khả thi khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành.	Sở Lao động TB&XH đã rà soát và điều chỉnh một số chỉ tiêu theo Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Kế hoạch này đã được lấy ý kiến các Ngành, địa phương).
5	Đề nghị Sở Lao động - Thương binh và	

	Xã hội chỉnh sửa lại một số nội dung như sau cho phù hợp, cụ thể: a) Tại phần căn cứ pháp lý: - Đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý sau cho đầy đủ, cụ thể: <i>“Thực hiện Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021 – 2030”.</i> - Đề nghị chuyển căn cứ pháp lý thứ 6, 7 lên sau căn cứ pháp lý thứ 1, 2 cho phù hợp. - Trong toàn bộ các căn cứ pháp lý đề nghị rà soát và quy định cho đúng số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành và tên gọi của văn bản QPPL cấp trên. (ví dụ: <i>Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;</i>). - Đề nghị sắp xếp lại các căn cứ pháp lý từ căn cứ pháp lý trước đến căn cứ pháp lý sau, từ căn cứ pháp lý có hiệu lực pháp lý cao hơn đến thấp hơn cho phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ. - Đề nghị rà soát lại lỗi chính tả trong các căn cứ pháp lý và viện dẫn văn bản cho đúng theo quy định của văn bản QPPL cấp trên (ví dụ: căn cứ pháp lý thứ 5 của dự thảo).	Thống nhất chỉnh sửa, bổ sung theo nội dung góp ý
6	Tại phần ban hành kèm theo đề nghị chỉnh sửa lại cho ngắn gọn mà vẫn đảm bảo theo quy định tại Mẫu số 16 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.	Thống nhất chỉnh sửa theo nội dung góp ý
7	Đề nghị xem xét lại chi tiêu 4 được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của dự	Thống nhất chỉnh sửa theo nội dung góp ý, đã điều chỉnh theo

	thảo cho phù hợp; đồng thời đưa nội dung quy định chỉ tiêu vào năm 2030 ra khỏi quy định tại chỉ tiêu 4 cho phù hợp vì điểm a khoản 2 chỉ quy định chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025.	Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.
8	Tại Điều 1 dự thảo đề nghị chỉnh sửa lại bố cục điều, khoản, điểm cho phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.	Thống nhất chỉnh sửa theo nội dung góp ý.
9	Tại đoạn 1 Điều 2 đề nghị bổ sung đơn vị tổ chức thực hiện Nghị quyết là “Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân” cho đầy đủ, phù hợp; đồng thời đề nghị trích dẫn đầy đủ số, ký hiệu, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành, tên gọi của Nghị quyết số 16/2010/NQ-HĐND ngày 14/12/2010 của HĐND tỉnh.	Thống nhất chỉnh sửa, bổ sung theo nội dung góp ý

Trên đây là Báo cáo tổng hợp các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với các văn bản Dự thảo Nghị quyết ban hành Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, QLLVXH (T-01).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thùy Trang

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện Nghị quyết 16/2010/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011-2015 và tầm nhìn đến năm 2020

Thực hiện Nghị quyết số 16/2010/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2010 của HĐND tỉnh (sau đây gọi tắt là Nghị quyết) về việc thông qua Đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh kết quả thực hiện như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Kết quả tổ chức thực hiện

Ngay sau khi Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua và có hiệu lực, để triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành và địa phương ban hành các văn bản chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện. Để đánh giá hiệu quả của các hoạt động, giai đoạn 2010-2015, UBND tỉnh đã có báo cáo số 205/BC-UBND ngày 08/10/2015 tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

1.1. Kết quả tổ chức thực hiện các mục tiêu cụ thể của Nghị quyết:

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các địa phương thực hiện. Cơ bản đã thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu, mục tiêu do Nghị quyết đề ra, cụ thể:

- *Mục tiêu 1: Xây dựng môi trường thân thiện, an toàn và lành mạnh; phòng ngừa, phát hiện xử lý nghiêm việc lạm dụng, xâm hại trẻ em để mọi trẻ em được sống, bảo vệ và phát triển.*

Việc xây dựng môi trường thân thiện, an toàn và lành mạnh cho trẻ em được chú trọng thực hiện. UBND tỉnh đã giao Sở Y tế chủ trì xây dựng cộng đồng an toàn cho trẻ em, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng trường học an toàn. Ngành Giáo dục đã triển khai một số hoạt động thiết thực nhằm ngăn ngừa bạo lực, xâm hại trẻ em như phong trào xây dựng “trường học thân thiện, học sinh tích cực”; cuộc vận động “mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”; tổ chức sinh hoạt chuyên đề “học sinh, sinh viên nói không với hành vi bạo lực” trong nhà trường. Đối với giáo dục mầm non, ngành đã có một số giải pháp chấn chỉnh việc quản lý và tổ chức hoạt động tại các cơ sở giáo dục mầm non có nguy cơ gây bạo lực, xâm hại trẻ em. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì xây dựng Ngôi

nhà an toàn - phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ em. Mô hình: “Ngôi nhà an toàn” phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em tại cả các huyện, thị xã, thành phố bước đầu đã tác động tích cực đến ý thức của người dân trong việc đảm bảo an toàn cho trẻ em.

Các cấp Hội Phụ nữ đã tiến hành xây dựng các mô hình thu hút đông đảo phụ nữ và trẻ em tham gia như Câu lạc bộ (CLB) Vòng tay bạn bè. Câu lạc bộ nuôi con khỏe dạy con ngoan, CLB “Tổ tư vấn hôn nhân - gia đình, phòng, chống xâm hại trẻ em”. Các CLB này tổ chức sinh hoạt mỗi tháng một lần, tuyên truyền cho các thành viên về cách nhận biết dấu hiệu của hành vi xâm hại, bạo lực trong gia đình và ngoài cộng đồng; trao đổi về những kỹ năng phòng, tránh bị xâm hại tình dục. Các cấp Hội phụ nữ còn phối hợp nhà trường, các tổ chức xã hội mở hội nghị, tọa đàm, tuyên truyền các biện pháp, kỹ năng phòng chống xâm hại, các biện pháp xử lý khi có tình huống xảy ra với phụ nữ và trẻ em, phát huy hiệu quả mô hình tổ tư vấn hôn nhân và gia đình, hỗ trợ tư vấn cho những phụ nữ bị bạo lực gia đình, quấy rối tình dục.

Tỉnh đoàn thực hiện Đề án “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên, thiếu niên và nhi đồng” giai đoạn 2016-2020; Tăng cường giáo dục kỹ năng sống trong các trường tiểu học giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2025.

Phát động phong trào toàn dân tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em nói riêng và các hành vi xâm hại trẻ em, bạo lực gia đình, cưỡng bức lao động; quản lý, giáo dục, giúp đỡ trẻ em hư tại cộng đồng dân cư. Lồng ghép vào các chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quyền trẻ em. Trong công tác tuyên truyền, Công an tỉnh đã chủ động phối hợp cùng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tuyên truyền phòng chống ma túy, mại dâm, HIV/AIDS, mua bán người và các thủ đoạn lừa gạt phụ nữ, trẻ em, cung cấp địa chỉ, số điện thoại đường dây nóng để người dân tham gia tố giác các hành vi xâm hại trẻ em.

Tại các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện), công tác xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh cho trẻ em được thực hiện thông qua việc xây dựng xã, phường phù hợp với trẻ em. Trong đó, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền trong việc xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; xây dựng các mô hình: Cộng đồng an toàn, Trường học an toàn, Ngôi nhà an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em, đảm bảo cho trẻ em được bảo vệ và có cơ hội phát triển toàn diện cả về thể chất, tinh thần. Mô hình xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em được thực hiện tại 11/11 huyện, thị xã, thành phố đã tạo môi trường cho trẻ em sống và phát triển lành mạnh. Kết quả, số xã, phường, thị trấn được công nhận phù hợp với trẻ em ngày càng tăng, năm 2017 và năm 2018 có 100% các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh được công nhận phù hợp với trẻ em; năm 2019, 2020 không đánh giá do Quyết định 06/QĐ-TTg Ngày 03/01/2019 Thủ tướng Chính phủ quy định việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn là phù hợp với trẻ

em được thực hiện 5 năm 02 lần, vào tháng 11 năm thứ 2 và tháng 11 năm thứ 4 của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm).

Mục tiêu 2: Xây dựng tổ chức đội ngũ cán bộ, cộng tác viên làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em từ tình đến cơ sở thôn, ấp, khu phố nhằm thực hiện tốt các quyền của trẻ em được pháp luật quy định.

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND ngày 19/8/2011 về việc quy định số lượng, chức danh và chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng công tác ở xã, ấp, sóc trên địa bàn tỉnh, các xã, phường, thị trấn đã bố trí người làm công tác trẻ em cấp xã và hỗ trợ mức phụ cấp với hệ số là 0,15 lần tháng lương tối thiểu và Cộng tác viên thôn, ấp, khu phố với mức hỗ trợ là 0,1 lần tháng lương tối thiểu. Nhờ có mạng lưới làm công tác trẻ em tại cơ sở này mà việc theo dõi, quản lý các đối tượng về trẻ em ngày càng sâu sát hơn, các trường hợp trẻ em bị xâm hại, ngược đãi, bị xâm hại, bóc lột, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo, trẻ em bị tai nạn thương tích, trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt... được quan tâm thực hiện, các chính sách hỗ trợ kịp thời, hiệu quả.

Mục tiêu 3: Phòng ngừa, phát hiện sớm và bảo vệ trẻ em có nguy cơ bị xâm hại, bạo lực, ngược đãi; trẻ em bị bệnh hiểm nghèo, khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được trợ giúp và tiếp cận với các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa vui chơi. Trẻ em và người chưa thành niên có hoàn cảnh đặc biệt (nghiện ma túy, làm trái pháp luật...) được chăm sóc, giáo dục, phục hồi và hòa nhập cộng đồng.

Việc trợ giúp trẻ em bị bệnh hiểm nghèo, khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được tiếp cận với các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa vui chơi được các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh và các huyện triển khai hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ và theo các quy định hiện hành. Qua đó các đối tượng trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi, trẻ em mồ côi cả cha và mẹ. . . được hưởng trợ cấp hàng tháng theo đúng quy định, giúp các em vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống.

Giai đoạn 2011-2020, đã trợ giúp thường xuyên tại cộng đồng cho 134.941 lượt đối tượng bảo trợ xã hội, với tổng kinh phí 453.371.598.000 đồng cho các đối tượng gồm người khuyết tật; hộ gia đình trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người khuyết tật; người cao tuổi; trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng; người nhiễm HIV thuộc hộ nghèo; người đơn thân nuôi con nhỏ thuộc hộ nghèo; hộ gia đình nhận nuôi trẻ mồ côi).

Trên địa bàn tỉnh hiện có 05 sở trợ giúp xã hội (01 Trung tâm BTXH tỉnh và 04 cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập) hoạt động. Hiện đang chăm sóc nuôi dưỡng 187 đối tượng, trong đó có 135 trẻ em. Các em được hưởng trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng, được cấp mua thẻ bảo hiểm y tế theo quy định, được cấp vật dụng phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày, được hỗ trợ đi học các cấp học theo quy định của pháp luật.

- Nhằm phòng ngừa, phát hiện sớm và bảo vệ trẻ em khỏi nguy cơ bị xâm hại, bạo lực, ngược đãi, các ngành liên quan đã tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức như tuyên truyền trên hệ thống thông tin đại chúng (duy trì chuyên mục “Vì trẻ em” định kỳ phát sóng 02 lần/tháng trên Đài PT-TH và Báo Bình Phước, phát sóng hơn 600 chuyên đề với các nội dung về công tác BVCSTE, treo 14.000 băng rôn, khẩu hiệu và gắn 15 bảng pa nô về trẻ em tại các huyện, thị xã thành phố, in ấn 45.000 tờ rơi, tài liệu truyền thông về trẻ em) và tuyên truyền trực tiếp thông qua đội ngũ cộng tác viên làm công tác BVCSTE tại các thôn, ấp, khu phố. Từ năm 2015-2019, UBND tỉnh đã tổ chức triển khai Luật Bảo vệ chăm sóc trẻ em, Luật Trẻ em và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Việc hỗ trợ, can thiệp khi trẻ em bị xâm hại đã được tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, đã giao các sở, ngành liên quan và UBND giao các cấp triển khai thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 71/2011/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004 và Luật Trẻ em năm 2016, Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 01/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em, Thông tư số 23/2010/TT-LĐTBXH ngày 18/8/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy trình can thiệp trợ giúp trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục và các văn bản chỉ đạo khác của các Bộ, ngành liên quan đối với công tác Bảo vệ chăm sóc trẻ em. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện các hoạt động để phòng ngừa, phát hiện sớm và bảo vệ trẻ em khỏi các nguy cơ bị xâm hại, bạo lực đã được triển khai thực hiện nhưng chưa nhiều, hiệu quả chưa cao. Hầu hết khi xảy ra các vụ việc thì mới tiến hành các biện pháp can thiệp mà chưa có các biện pháp can thiệp sớm. Nguyên nhân chủ yếu do thiếu cán bộ cũng như sự hiểu biết các quy định của một số ít cán bộ.

- Tổ chức các đợt khám sàng lọc cho hơn 40.000 lượt trẻ em, phẫu thuật cho 301 trẻ em bị tim bẩm sinh, trao hơn 15.000 suất học bổng cho trẻ em nghèo hiếu học học giỏi. Hàng năm, có hơn 12.000 lượt trẻ em được trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng và được thăm hỏi, tặng quà nhân dịp Lễ, Tết. Trên địa bàn tỉnh có 19 cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em gồm có 01 bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, 11 trung tâm y tế cấp huyện, 01 bệnh viện tư nhân. Từ những chính sách hỗ trợ của nhà nước và từ nguồn vận động của các cơ sở trợ giúp xã hội đã giúp cho những trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, hỗ trợ và thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần giúp các em giảm bớt khó khăn, ổn định cuộc sống.

- Về lĩnh vực giáo dục: hàng năm vào đầu năm học, ngành giáo dục đã tổ chức tuyên truyền vận động toàn dân đưa trẻ đến trường, đặc biệt là đối với trẻ em dân tộc thiểu số nên số trẻ em mầm non, mẫu giáo đi học tăng theo từng năm. Tổng số trẻ mầm non, mẫu giáo được huy động ra lớp năm học 2010-2011 là 32.773 em, năm học 2014-2015 là 43.332 em, năm học 2019-2020 là 50.613 em. Tỷ lệ trẻ trong độ tuổi đi học mẫu giáo năm 2010-2011 là 72,77%, năm học 2014-2015 là 78,47%, năm học 2019-2020 là 85,65%.

Tỷ lệ trẻ em bỏ học tiểu học năm học 2010-2011 là 0,27%, năm học 2014-

2015 là 0,01%, năm học 2019-2020 là 0,001%. Tỷ lệ trẻ em bỏ học Trung học cơ sở năm học 2010-2011 là 1,75%, năm học 2014-2015 là 0,85%, năm học 2019-2020 là 0,63%.

- Về chăm sóc sức khỏe - dinh dưỡng cho trẻ em: ngành Y tế tổ chức tiêm chủng đầy đủ cho các em, tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm các loại Vắc xin đến năm 2020 là 93%. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng giảm dần, năm 2010 là 19,9%, năm 2015 là 14,4%, năm 2020 13,2%. Tỷ lệ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể chiều cao năm 2010 là 30,3%, năm 2015 là 27,8%, đến năm 2020 giảm xuống còn 25,2%. Ngành Y tế, ngành Lao động - Thương binh và xã hội phối hợp với các đơn vị liên quan hỗ trợ các đợt khám sàng lọc miễn phí như: khám sàng lọc tim, phẫu thuật sút môi hở hàm ếch, phẫu thuật tim, mắt, sẹo co kéo do bỏng, khám sàng lọc đa khoa nhi. Qua đó đã phát hiện và điều trị cho hàng ngàn trẻ em bị mắc các dạng bệnh, phòng ngừa những bệnh nặng cho trẻ em khuyết tật.

- Cấp huyện cũng tăng cường công tác tuyên truyền trên đài phát thanh, truyền thanh huyện, xã. Lồng ghép tuyên truyền vào các hoạt động phong trào của khu dân cư, nâng cao tinh thần trách nhiệm của toàn dân về các quyền của trẻ em, hỗ trợ trẻ em vi phạm pháp luật có điều kiện phục hồi, tái hòa nhập cộng đồng.

Mục tiêu 4: *Tạo cơ hội cho trẻ em được tiếp cận với thông tin, được tham gia vào các hoạt động xã hội, được bày tỏ ý kiến của mình về những vấn đề có liên quan đến trẻ em thông qua các diễn đàn trẻ em ở tất cả các cấp và các cuộc giao lưu đối thoại giữa trẻ em với các cơ quan quản lý, các đại biểu HĐND các cấp.*

Hàng năm, UBND tỉnh đều chỉ đạo cho các sở ngành liên quan và các huyện, thị xã triển khai các hoạt động để tạo cho người dân nói chung và nhất là trẻ em được tiếp cận thông tin. Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho thanh thiếu niên, Website có tên miền: <http://phobiengdpltn-binhphuoc.gov.vn>, trong đó đối tượng là trẻ em được chú trọng quan tâm.

Trẻ em được tham gia vào nhiều các hoạt động phong phú, đa dạng khác như các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em nhân dịp Tết Trung thu, ngày Gia đình Việt Nam, ngày Quốc tế thiếu nhi, Tháng hành động vì trẻ em, tổ chức sinh hoạt hè, chiếu phim, biểu diễn văn nghệ, thể thao, cắm trại...thu hút hàng chục ngàn trẻ em tham gia. Phát động cuộc thi với chủ đề "Môi trường thân thiện" đã thu hút 2.251 bài dự thi tham gia của các em học sinh. Đẩy mạnh phong trào "trường em xanh, sạch, đẹp", "Ngày thứ 7 tình nguyện", "Chủ nhật xanh" làm vệ sinh trường lớp, trang trí lớp học, trồng cây xanh. Các em đã tham gia tích cực công tác cuộc vận động "Cùng tuổi thơ đến trường" với mục đích vận động các em đóng góp quần áo, đồ dùng học tập, phương tiện đến trường giúp đỡ các em có hoàn cảnh gia đình khó khăn vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc có thêm điều kiện học tập. Việc tổ chức Diễn đàn trẻ em các cấp đã thu hút đông đảo trẻ em tham gia, đây là nơi trẻ em được trực tiếp tham gia bày tỏ ý kiến của mình về các vấn đề mà trẻ em quan tâm cũng như đề xuất với các cấp chính quyền những nguyện vọng của trẻ em (Diễn đàn trẻ em cấp

tỉnh tổ chức vào các năm 2013, năm 2015, năm 2019; đã có 11/11 huyện, thị xã, thành phố tổ chức diễn đàn trẻ em cấp huyện).

1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu

- *Chỉ tiêu: triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2011 - 2020; Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016-2020.*

Để thực hiện chỉ tiêu này, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 29/06/2011 ban hành chương trình bảo vệ trẻ em trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 nhằm thực hiện Quyết định 267/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 04/03/2013 về việc phê duyệt Chương trình hành động vì trẻ em trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013-2020. Đây là các chương trình quan trọng để thực hiện các chỉ tiêu cơ bản của Nghị quyết. Tại cơ sở có 100% các huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2013-2020, Chương trình bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015 và giai đoạn 2016-2020. Với sự nỗ lực, cố gắng của các ngành, các địa phương, của đội ngũ làm công tác BVCSTE các cấp, các chỉ tiêu cơ bản của Chương trình hành động vì trẻ em trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2013-2020 và Chương trình bảo vệ trẻ em trên địa bàn tỉnh đều đạt so với kế hoạch (*có phụ lục kèm theo*). Các hoạt động phát triển hệ thống bảo vệ trẻ em đã được các đơn vị triển khai thực hiện. Các ngành, đoàn thể đã tổ chức triển khai thực hiện, lồng ghép các mục tiêu về BVCSTE vào kế hoạch hoạt động như chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, giáo dục.

- *Chỉ tiêu: phát hiện và báo cáo trẻ em bị xâm hại, ngược đãi, lạm dụng sức lao động, buôn bán ... để các cơ quan có thẩm quyền xử lý kịp thời.*

+ Giai đoạn 2011-2014: tổng số trẻ em bị xâm hại: 141 em (nữ: 141 em), trong đó bị xâm hại tình dục: 138 em, mua bán: 03 em.

+ Giai đoạn 2015-2020: tổng số trẻ em bị xâm hại: 200 em (nữ: 199 em; nam: 01 em), trong đó bị bạo lực: 01 em, bị xâm hại tình dục: 193 em, các hành vi xâm hại khác: 06 em.

Các cơ quan có thẩm quyền đã xử lý các vụ việc trẻ em bị xâm hại, ngược đãi đúng theo quy định của pháp luật. 100% trẻ em khi bị xâm hại đều được can thiệp theo quy định tại Thông tư số 23/2010/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về quy trình can thiệp, trợ giúp trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục và Nghị định số 56/2017/NĐ-CP hướng dẫn Luật trẻ em. Do đó về tình trạng sức khỏe, tâm lý trẻ em sau khi bị xâm hại ổn định, không có trường hợp nào trẻ em bị bệnh thần kinh, tự tử, chỉ có 01 trẻ em bỏ học. Việc ban hành văn bản thực hiện chính sách pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em tại tỉnh được thực hiện đúng quy định, các trường hợp trẻ em bị xâm hại, bị bạo lực đều được hỗ trợ, giải quyết kịp thời. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện các văn bản QPPL của Trung ương và thực hiện các chính sách hỗ trợ nạn nhân là trẻ em bị bạo lực, xâm hại còn gặp khó khăn do các quy định về phối hợp, tổ chức thực hiện từ Trung ương còn chưa được hướng dẫn cụ thể nên một số ngành còn lúng túng trong công tác phối

hợp để thực hiện các hoạt động hỗ trợ, can thiệp.

- *Chỉ tiêu 100% lãnh đạo chính quyền, các ban, ngành có liên quan được nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác BVCSTE và cam kết thể hiện trong kế hoạch, nghị quyết, chương trình hành động của chính quyền, địa phương.*

Các đơn vị liên quan và UBND các cấp đã có lồng ghép nội dung về BVCSTE, các chỉ tiêu về BVCSTE vào chương trình phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm và của từng giai đoạn. Đây là một trong những nội dung đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết. Tại các cấp tỉnh, huyện, xã đã thành lập Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu vì trẻ em, trong đó Phó chủ tịch UBND là Trưởng ban chỉ đạo. Thành lập Đội công tác liên ngành bảo vệ trẻ em tại cấp tỉnh và cấp huyện, Hội đồng Quỹ Bảo trợ trẻ em cấp tỉnh, huyện. Sở Lao động TB&XH thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ là lãnh đạo chính quyền cấp xã. Tổ chức họp Hội đồng Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh để bàn hoạt động vận động gây quỹ tạo nguồn cho Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh. Qua các hoạt động đó, 100% lãnh đạo chính quyền và các ban ngành được nâng cao nhận thức về công tác BVCSTE.

- *Chỉ tiêu: 65% xã, phường, thị trấn được công nhận "xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em".*

+ Giai đoạn 2011-2015: năm 2011 đạt 61,26%, năm 2012 đạt 61,26%, năm 2013 đạt 63,96%, năm 2014 đạt 70,27%, năm 2015 đạt 73,87%.

+ Giai đoạn 2016-2020: năm 2016 đạt 95,49%, năm 2017 đạt 100%, năm 2018 đạt 100%, năm 2019 đạt 78,38 %. Năm 2020 không thực hiện đánh giá vì theo Điều 4 tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 03/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về tiêu chuẩn, trình tự đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em, quy định "Việc đánh giá xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em được thực hiện vào tháng 11 năm thứ 2 và tháng 11 năm thứ 4 của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm".

- *Chỉ tiêu: 40% gia đình đạt tiêu chuẩn "ngôi nhà an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em".*

Năm 2014 có 69.121/136.549 ngôi nhà có trẻ em đạt tiêu chuẩn ngôi nhà an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em, đạt 50,6% (vượt 10,6% so với chỉ tiêu của Nghị quyết). Đến năm 2020, có 121.615/171.289 ngôi nhà có trẻ em đạt tiêu chuẩn ngôi nhà an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em, đạt 71,01% (vượt 1,01% so với chỉ tiêu của Nghị quyết).

- *Chỉ tiêu: 40% xã, phường có điểm vui chơi cho trẻ em*

+ Giai đoạn 2011 - 2015: năm 2011 đạt 42,34%, năm 2012 đạt 46,84%, năm 2013 đạt 51,35%, năm 2014 đạt 55,85%, năm 2015 đạt 62,16%.

+ Giai đoạn 2016-2020: năm 2016 đạt 67,56 %, năm 2017 đạt 70,27%, năm 2018 đạt 72,07%, năm 2019 đạt 72,97 %, năm 2020 đạt 73,87 % (vượt 28,87% so

với chỉ tiêu của Nghị quyết).

- *Chỉ tiêu: 80 % trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc.*

+ Giai đoạn 2011 – 2015: năm 2011 đạt 85 %, năm 2015 đạt 88,6%.

+ Giai đoạn 2016-2020: cuối năm 2020 có 98% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, giúp đỡ, vượt 13% so với chỉ tiêu Nghị quyết giao.

- *Chỉ tiêu: 95% số trẻ em được đăng ký khai sinh trước 5 tuổi.*

+ Giai đoạn 2011 - 2015: năm 2015 tỷ lệ khai sinh dưới 5 tuổi đạt 96,51% (vượt 1,51% so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra).

+ Giai đoạn 2016-2020: tính đến năm 2020 số trẻ em được đăng ký khai sinh trước 5 tuổi đạt 99,15%, vượt 1,15% chỉ tiêu Nghị quyết giao.

- *Chỉ tiêu: 100% công chức, viên chức làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở các cấp; viên chức đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trực tiếp làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, cộng tác viên thôn, ấp, khu phố được bồi dưỡng nghiệp vụ, cung cấp kiến thức và kỹ năng bảo vệ, chăm sóc trẻ em.*

Giai đoạn 2011 - 2020, 100% công chức, viên chức làm công tác BVCSTE ở các cấp; viên chức đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trực tiếp làm công tác BVCSTE, cộng tác viên thôn, ấp, khu phố được tập huấn nâng cao năng lực, bồi dưỡng nghiệp vụ cung cấp kiến thức và kỹ năng về BVCSTE (chỉ tiêu này đạt so với Nghị quyết đề ra).

2. Đầu tư ngân sách dành cho các chương trình mục tiêu của Nghị quyết và đánh giá, so sánh với nhu cầu thực tế hiện nay.

Ngân sách bố trí cho công tác BVCSTE được phân bổ trong dự toán hàng năm cho các ngành chức năng và UBND các huyện, thị xã, thành phố để chi cho các hoạt động về BVCSTE, trong đó chủ yếu chi cho hoạt động quản lý nhà nước và chi thường xuyên cho đối tượng trẻ em thuộc đối tượng bảo trợ xã hội, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, quà tặng cho trẻ em nhân các ngày lễ tết (Trung thu, Tết cổ truyền, Tháng hành động vì trẻ em, Quốc tế thiếu nhi 1/6...) và chi hoạt động khám chữa bệnh, chi cho công tác giáo dục, chi hỗ trợ khó khăn đột xuất...

Nhìn chung, việc đầu tư ngân sách chủ yếu tập trung cho công tác phát triển giáo dục tại trường học và công tác khám chữa bệnh tại các bệnh viện. Còn việc đầu tư cho hoạt động an sinh xã hội về trẻ em còn hạn chế, chủ yếu từ nguồn đóng góp từ công tác xã hội hóa, sự ủng hộ của tổ chức, cá nhân. Công tác BVCSTE ở cấp huyện còn gặp nhiều khó khăn như việc đầu tư kinh phí chưa tương xứng so với nhu cầu thực tế, chủ yếu tập trung chi cho các hoạt động tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt vào các ngày lễ, tết.

3. Công tác phối hợp liên ngành trong công tác BVCSTE

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, các sở, ban, ngành, đoàn thể đã phối hợp tổ chức triển khai thực hiện, lồng ghép các mục tiêu về BVCSTE vào kế hoạch hoạt động của ngành như các hoạt động chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, giáo dục, vui

chơi giải trí.

Các sở, ban, ngành liên quan đã phối hợp lồng ghép các chỉ tiêu về BVCSTE vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh 5 năm và hàng năm; ký kế hoạch liên tịch trong việc phối hợp tổ chức các hoạt động hè, Tháng hành động vì trẻ em; tổ chức hoạt động như các lớp học bơi cho trẻ em, kỹ năng cứu đuối cho giáo viên các trường học trên địa bàn toàn tỉnh; ký cam kết xây dựng ngôi nhà an toàn phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ em.

Bên cạnh đó, sự phối hợp liên ngành giữa các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu vì trẻ em của tỉnh, khi xây dựng các chương trình, đề án đều có sự tham gia góp ý, hỗ trợ của các ngành thành viên có liên quan. Các hoạt động chuyên môn cần có sự phối hợp của các ngành liên quan đều được triển khai thực hiện tốt như các hoạt động truyền thông, các hoạt động BVCSTE.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể đã phối hợp với các ngành chức năng tổ chức nhiều hình thức đa dạng, phong phú để tuyên truyền về Luật Trẻ em sâu rộng trong xã hội như thông qua cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", cuộc vận động "Ngày vì người nghèo", các hoạt động như Tháng hành động vì trẻ em, Ngày toàn dân đưa trẻ em đến trường, xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em. Việc thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết số 16/NQ-HĐND được các sở, ngành, đoàn thể phối hợp tổ chức thực hiện hiệu quả.

4. Công tác tổ chức, kiện toàn bộ máy làm công tác trẻ em ở cơ sở, mạng lưới cộng tác viên; nguồn lực đầu tư quy hoạch, xây dựng và quản lý các điểm vui chơi giải trí

Sau khi HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 16/NQ-HĐND, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 48/2011/QĐ-UBND ngày 19/8/2011 về việc quy định số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và Cộng tác viên ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh.

- Cấp huyện: bố trí 01 lãnh đạo phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và 01 công chức phụ trách công tác BVCSTE.

- Cấp xã: công tác BVCSTE do cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách, 100% là kiêm nhiệm.

- Thôn, ấp, khu phố: bố trí mỗi thôn, ấp, khu phố 01 Cộng tác viên làm công tác BVCSTE. Hiện nay, có 861 cộng tác viên làm công tác BVCSTE ở thôn, ấp, khu phố trên toàn tỉnh. Việc bố trí cán bộ làm công tác trẻ em tại cơ sở được thực hiện đúng theo quy định. Tuy nhiên, do phải kiêm nhiệm nhiều công việc, nhiều lĩnh vực và mức phụ cấp ít nên hiệu quả công việc chưa cao; đội ngũ cộng tác viên làm công tác trẻ em tại thôn, ấp, khu phố thường xuyên thay đổi.

- Việc đầu tư quy hoạch, xây dựng và quản lý các điểm vui chơi giải trí cho trẻ em trên địa bàn tỉnh còn thiếu, chủ yếu các em vui chơi trong nhà trường, nhà văn

hóa khu phố. . . hiện thiếu quỹ đất và kinh phí cho các hoạt động xây dựng các tụ điểm, các khu vui chơi, giải trí dành cho trẻ em, các lớp năng khiếu, phát triển thể lực. Bên cạnh đó, các điểm vui chơi giải trí tập trung ở các trung tâm huyện, thị xã, thành phố, còn tại các vùng sâu, vùng xa rất ít những khu vui chơi giải trí được xây dựng dành riêng cho trẻ em nên không đáp ứng được nhu cầu vui chơi giải trí cho các em tại những địa bàn này. Nhiều khu vui chơi giải trí được đầu tư trang thiết bị nhiều năm đã xuống cấp, hư hỏng không có kinh phí để sửa chữa.

5. Công tác thanh tra, kiểm tra, báo cáo định kỳ

Hàng năm, UBND tỉnh đều chỉ đạo các sở, ngành liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát về công tác BVCSTE và báo cáo định kỳ cho UBND tỉnh (báo cáo 6 tháng và báo cáo tổng kết năm).

Mỗi năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức từ 01 đến 02 đợt thanh tra, kiểm tra về công tác trẻ em, tại các huyện, thị xã, thành phố để kịp thời chấn chỉnh, tháo gỡ những khó khăn trong thực hiện công tác BVCSTE ở cơ sở. Sở Thông tin và Truyền thông tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động thông tin, báo chí xuất bản liên quan đến thông tin tuyên truyền BVCSTE. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tổ chức giám sát, đánh giá định kỳ 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm về thực hiện nhiệm vụ công tác gia đình và phòng chống bạo lực gia đình. Các ngành liên quan tùy theo chức năng nhiệm vụ của mình cũng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra phát hiện các vi phạm trong lĩnh vực BVCSTE, định hướng, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt công tác BVCSTE.

Ngoài ra, Ban Văn hóa xã hội của HĐND tỉnh đã tổ chức 03 đợt giám sát chuyên đề về công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em (năm 2013 tại 10/10 huyện, thị xã và 10 xã, phường; năm 2015 tại 04 huyện và 04 xã; năm 2018 tại 02 xã và 02 huyện và 6 sở, ngành).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những thuận lợi, khó khăn

1.1. Thuận lợi

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, công tác BVCSTE của tỉnh đã đạt được những kết quả quan trọng. Các quyền cơ bản của trẻ em được đảm bảo, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm rõ rệt, cơ sở vật chất phục vụ cho giáo dục được tăng cường. Việc xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ em được cải thiện, đẩy mạnh. Đời sống văn hóa, tinh thần của các em được cải thiện đáng kể so với những năm trước đây.

100% cán bộ làm công tác trẻ em cấp xã, cộng tác viên trẻ em tại các thôn, ấp, khu phố được tập huấn nâng cao năng lực, kiến thức về trẻ em, giúp đội ngũ này thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Nhờ có mạng lưới làm công tác trẻ em tại cơ sở mà việc theo dõi, quản lý các đối tượng về trẻ em ngày càng sâu sát hơn, các trường hợp trẻ em bị xâm hại, ngược đãi, bị xâm hại, bóc lột, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo,

trẻ em bị tai nạn thương tích, trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt... được phát hiện sớm và báo cáo kịp thời cho UBND cấp xã hoặc cơ quan chức năng để kịp thời can thiệp; hỗ trợ cho địa phương tuyên truyền, vận động người dân nghiêm túc thực hiện Luật BVCSSTE (nay là Luật Trẻ em); giúp cán bộ xã tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em nhân Tháng hành động vì trẻ em, Tết Trung thu, tết Nguyên Đán; tổ chức thăm hỏi, tặng quà, cấp học bổng...cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Đội ngũ này còn là nhân tố tích cực phối hợp với các ngành liên quan trong việc cập nhật số trẻ em mới sinh, đôn đốc các gia đình khai sinh cho trẻ em đồng thời phối hợp với cán bộ làm công tác trẻ em cấp xã lập danh sách đề nghị cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi; vận động các gia đình đưa trẻ em đi tiêm chủng, khám sức khỏe định kỳ và trực tiếp thực hiện các hoạt động BVCSSTE do UBND cấp xã triển khai, góp phần rất lớn thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu về BVCSSTE của tỉnh.

1.2. Khó khăn, hạn chế

- Việc đầu tư nguồn lực cho công tác BVCSSTE từ cấp tỉnh đến cơ sở chưa được chú trọng đúng mức và chưa tương xứng với nhu cầu thực tế. Tùy thuộc vào khả năng, tình hình thực tế, hàng năm bố trí kinh phí từ 200 triệu đồng đến 650 triệu đồng để thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về trẻ em (cấp cho Sở Lao động-Thương binh và xã hội). Đối với các sở, ngành khác và các địa phương được bố trí từ các nguồn như đảm bảo xã hội và lồng ghép vào các chương trình của ngành, đơn vị để tổ chức đảm bảo thực hiện nhiệm vụ trẻ em. Do chưa bố trí kinh phí riêng cho sự nghiệp BVCSSTE nên các đơn vị rất khó khăn trong công tác tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động vì trẻ em và chủ động điều phối các hoạt động trong năm. Hiện nay trên địa bàn tỉnh số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khoảng 3.500 trẻ em và có khoảng 25.000 trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt. Việc hỗ trợ các chính sách của nhà nước cho đối tượng này hiện nay còn gặp nhiều khó khăn chủ yếu mới chỉ hỗ trợ cho một số nhóm đối tượng theo quy định của Nghị 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, các đối tượng khác chủ yếu hỗ trợ thông qua các nguồn vận động, xã hội hóa hoặc thông qua các đợt thăm tặng quà nhân các ngày lễ, tết...

- Do hạn chế về kinh phí nên công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục trẻ em và cha, mẹ, người chăm sóc trẻ còn chưa được đa dạng, chưa bao phủ được hết các đối tượng, nhất là trẻ em ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Ý thức chấp hành pháp luật và kiến thức, kỹ năng về bảo vệ trẻ em của một bộ phận gia đình và cộng dân chưa tốt.

- Công tác quy hoạch, xây dựng, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí cho trẻ em gặp khó khăn về quỹ đất và kinh phí. Một số điểm vui chơi được xây dựng mới nhưng thiếu trang thiết bị, xuống cấp vì vậy không thu hút được các em tham gia. Một số điểm vui chơi giải trí được đầu tư trang thiết bị

nhiều năm đã xuống cấp, hư hỏng nhưng không có kinh phí sửa chữa. Các điểm vui chơi giải trí chủ yếu tập trung ở trung tâm huyện, thị xã, thành phố, hiện còn thiếu các điểm vui chơi, giải trí cho trẻ em vùng sâu, vùng xa.

- Bộ máy làm công tác BVCSTE ở cơ sở mặc dù đã được bố trí và hoạt động, với mỗi xã, phường thị trấn bố trí 01 công chức phụ trách, mỗi thôn, ấp, khu phố bố trí 01 cộng tác viên nhưng do địa bàn rộng, dân cư đông nên việc quản lý, theo dõi can thiệp bảo vệ trẻ em còn gặp nhiều khó khăn, số liệu liên quan đến trẻ em chưa được cập nhật kịp thời, việc thực hiện kết nối các dịch vụ bảo vệ trẻ em còn hạn chế, số trẻ em bị xâm hại tình dục, trẻ em tử vong do đuối nước có chiều hướng gia tăng.

2. Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế

- Công tác tham mưu của cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em chưa thực sự chủ động và kịp thời; công tác tổ chức, triển khai, phối hợp thực hiện thiếu chủ động, chưa linh hoạt với tình hình thực tế.

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền chưa thực sự quan tâm về công tác BVCSTE, trong công tác chỉ đạo, điều hành, vẫn còn những đơn vị chưa lồng ghép các chỉ tiêu về BVCSTE vào chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Do đó, các chương trình, đề án, kế hoạch của các địa phương rất ít được quan tâm và bố trí nguồn lực để thực hiện.

- Sự phối hợp giữa một số cơ quan, ban ngành, tổ chức chính trị - xã hội của địa phương trong công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em chưa chặt chẽ, cụ thể, thường xuyên nên hiệu quả chưa cao.

- Tính đến cuối năm 2020, hộ nghèo toàn tỉnh còn 3.568 hộ, chiếm 1,34% trên tổng số hộ dân, trong đó hộ nghèo dân tộc thiểu số 1.803 hộ, chiếm 50,53% trên tổng số hộ nghèo và chủ yếu sinh sống ở vùng sâu, vùng xa với cơ sở hạ tầng và các điều kiện kinh tế xã hội còn nghèo nàn, lạc hậu nên việc đầu tư cho công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em kể cả nhà nước và gia đình còn nhiều hạn chế, chưa được quan tâm.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy làm công tác BVCSTE không ổn định, chưa tương xứng với chức năng, nhiệm vụ được giao. Cán bộ làm công tác BVCSTE ở cấp huyện và xã phải kiêm nhiệm nhiều công việc. Lực lượng cộng tác viên còn mỏng, thiếu ổn định, chế độ phụ cấp thấp gây khó khăn khi triển khai công tác BVCSTE ở cơ sở.

- Nhận thức của người dân, các bậc phụ huynh về công tác BVCSTE còn hạn chế; các kỹ năng phòng ngừa trẻ em bị xâm hại, bị bạo lực, phòng, chống tai nạn thương tích chưa được phổ biến kịp thời, thường xuyên.

- Việc huy động các nguồn lực và đầu tư cho các mục tiêu BVCSTE chưa được quan tâm đúng mức.

III. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2021-2025

- Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 16/NQ-

HĐND, trong đó tiếp tục bám sát các nội dung của Nghị quyết để xây dựng các chương trình, kế hoạch về BVCSTE trong giai đoạn mới (giai đoạn 2021-2025), xác định những mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em ưu tiên thực hiện phù hợp với tình hình trẻ em của tỉnh; bố trí đủ nguồn lực về kinh phí, cơ sở vật chất và con người trong việc đảm bảo thực các nội dung về trẻ em mà Trung ương và tỉnh giao, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em mà tỉnh đã xây dựng.

- Tham mưu xây dựng các chính sách cụ thể hỗ trợ đối với nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn theo quy định của Luật Trẻ em năm 2016, bố trí ngân sách hỗ trợ Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh để cùng với các cơ quan, đơn vị khác thực hiện hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu về trẻ em của tỉnh.

- Thực hiện nghiêm, đầy đủ và hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em, kiên quyết xử lý các trường hợp xâm hại, bạo lực trẻ em. Phát hiện, ngăn ngừa và hỗ trợ trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, hạn chế thấp nhất tình trạng trẻ em bị rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

- Có chính sách hỗ trợ cho đội ngũ làm công tác BVCSTE ở cơ sở (cán bộ phụ trách trẻ em cấp xã, Cộng tác viên trẻ em tại thôn, ấp, khu phố) để đội ngũ này yên tâm công tác và tham gia thực hiện hiệu quả nhiệm vụ về BVCSTE tại cơ sở.

UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TB&XH;
- TT.TU, HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thành viên BCĐ CTMTVTE;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng;
- Lưu VT, kgvx (Ch-BC04).

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền

Phụ lục
Kết quả thực hiện các mục tiêu vì trẻ em
(Kèm theo Báo cáo số 276/BC-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh)

Stt	Nội dung	Năm 2015		Năm 2020		Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	
1	Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi xuống còn	28%	27,8%	26%	24,5%	Đạt
2	Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi thể nhẹ cân	16%	14,4%	13,5%	10,2%	Đạt
3	Duy trì và nâng cao tỷ lệ trạm y tế có nữ hộ sinh hoặc y sĩ sản nhi đến năm 2020	100%	100%	100%	100%	Đạt
4	Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Đạt
5	Có ít nhất 30% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ được chăm sóc giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non		11,99 %	30%	16,5%	Không đạt
6	80% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non		79,76	80%	85%	Đạt
7	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học là 99%		99,8	99%	99,9%	Đạt
8	Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở bậc trung học là 99%		96,1	95%	97,5%	Đạt
9	Giảm tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt so với tổng số trẻ em	4,3%	0,86 %	3%	1,14%	Đạt
10	Tăng tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp, chăm sóc để phục hồi tái hòa nhập cộng đồng và có cơ hội phát triển	80%	86%	85%	95%	Đạt
11	Giảm 20% số trẻ em bị bạo lực vào năm 2015 và giảm 40% vào năm 2020	20%	115%	40%	48,48%	Đạt
12	Giảm tỷ suất trẻ em bị tai nạn, thương tích xuống (trẻ em/100.000 em)	550	723	450	821	Không đạt
13	Tăng tỷ lệ xã, phường có điểm vui chơi dành cho trẻ em đạt tiêu chuẩn	40 %	62,1%	45%	73,87%	Đạt
14	Tăng tỷ lệ tỷ lệ trẻ em tham gia diễn đàn trẻ em các cấp (trẻ em/100.000 em)	20	26	30	45	Đạt
15	Tăng tỷ lệ xã phường đạt tiêu chuẩn xã phường phù hợp với trẻ em	65%	73,87 %	75%	78,37%	Đạt

ĐÌNH PHƯƠNG